

CỤC HẬU CÁN QUÂN KHU 7
BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y MIỀN ĐÔNG

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ YÊU CẦU BẢO GIÁ KẾ HOẠCH NĂM 2024

Gói thầu số 01: Mua vật tư y tế 274 danh mục

(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 24 tháng 04 năm 2024 của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
STT theo DM YCBG	MS theo DM TT	Tên Vật tư y tế mời thầu theo TT04/2017/TT-BYT	Yêu cầu về thành phần cấu tạo, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của vật tư y tế	Tên thiết bị y tế/Nguồn gốc xuất xứ của thiết bị để sử dụng vật tư y tế mà Nhà thầu khi trúng thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp cho Chủ đầu tư (Nhà thầu có văn bản cam kết trong E-HSDT theo quy định tại Điểm a Mục 1 Điều 55 Luật Đấu thầu năm 2023)	Yêu cầu về xuất xứ của hàng hóa yêu cầu báo giá (theo Nhóm nước, Vùng lãnh thổ)	ĐVT	Số lượng yêu cầu dự kiến	Ghi chú	
1	1	Bông (gòn), bông tầm dung dịch các loại, các cỡ	Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton và được chế từ lòng của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi. Quy cách đóng gói: 500gram/gói. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Gói/ Cuộn	400		
2	1	Bông (gòn), bông tầm dung dịch các loại, các cỡ	Bông không hút nước được chế từ lòng của hạt cây bông, không loại mỡ (theo TCCS Bông y tế (chưa tiệt trùng)- nguyên liệu 100% sợi Bông. Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, không mùi, Bông chưa tẩy trắng, có màu hơi ngà vàng bông. Kích thước 0,1m x 2m (6 cuộn/gói). Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Gói/ Cuộn	1,200		
3	1	Bông (gòn), bông tầm dung dịch các loại, các cỡ	Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton và được chế từ lòng của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi. Quy cách đóng gói: 5 gram/gói. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Gói/ Cuộn	2,000		
4	1	Bông (gòn), bông tầm dung dịch các loại, các cỡ	Bông gác đắp vết thương có thành phần kết hợp từ 1 lớp Bông y tế (bông hút nước) bên trong và 1 lớp Vải bọc bên ngoài. Lớp Vải bọc này được làm từ 2 loại nguyên liệu: hoặc từ Gạc y tế (Gạc hút nước) hoặc từ Gạc vải không dệt (Vải không dệt ngắn), được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Gói/ Cuộn	2,000		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	3	N01.02.010	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Chlohexidine gluconate 4% Tác dụng: diệt vi khuẩn gram (-), gram (+), kể cả trực khuẩn lao, trực khuẩn mũ xanh, virus (HIV, virus viêm gan B) và nấm. Có hiệu quả kéo dài tới 6 giờ sau khi rửa. - Đóng bình 5 lít - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 	Châu Á	Bình/can	70		
6	5	N01.02.030	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	<ul style="list-style-type: none"> "Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALALDEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8, - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, EPO - TEK 353 epoxy), có que thử. - Tương thích với dụng cụ của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz, đèn nội soi Fujinon) - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Trực khuẩn lao (Mycobacterium bovis), theo các tiêu chuẩn: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14563, EN 14476 - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS". Đóng gói 3,78 lít/bình. 	G7	Can/Bình	50		
7	5	N01.02.030	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch khử khuẩn mức độ cao: Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2015 ISO 13485:2016 	Việt Nam	Lít	3,000		
8	5	N01.02.030	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	<ul style="list-style-type: none"> Bột khử khuẩn dụng cụ y tế : '-Thành phần chính: phức hợp phenolic tổng hợp (Aryphenol và halogen alkylphenol), polyphosphate, trisodium phosphate, chất rửa tan máu, chất chống ăn mòn dụng cụ. -Tác dụng: là chất khử khuẩn có phổ diệt khuẩn rộng, có thể diệt tất cả virus (gồm Hepatitis B và HIV), vi khuẩn (gồm Tuberculosis) và nấm. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 	Châu Á	Gói/Túi	2,000		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	7	N01.02.050	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại	Dung dịch làm tan Protein dùng cho dụng cụ y tế. Thành phần: Hỗn hợp đa Enzyme (Protease, Lipase, Amylase, Mannanase và Cellulase) 10%, chất hoạt động bề mặt không ion hóa, chất ức chế ăn mòn, chất chống tạo biofilm, chất ổn định, dung dịch có màu vàng và mùi thơm nhẹ.... - Tác dụng: Làm sạch dụng cụ y tế, dụng cụ nha khoa, dụng cụ phẫu thuật, ... - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485		Châu Á	Can/Binh	90	
10	7	N01.02.050	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại	Dung dịch làm tan protein dùng cho dụng cụ y tế. Thành phần: Protease 5% - Tác dụng: Enzymes có tác dụng làm sạch dụng cụ đánh tan các vết bẩn từ Protein, chất béo, Carbohydrate, Mucopolysaccharides và các chất hữu cơ khác dễ dàng. - Đóng can/bình 1 lít - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485		Châu Á	Can/Binh	100	
11	7	N01.02.050	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại	Dung dịch tẩy oxy hóa trên bề mặt kim loại. Thành phần chính: Glycolic acid 8%, Ethoxylated Alcohol 5% - Đóng can/chai - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485		Châu Á	Can/Chai	10	
12	8	N02.01.010	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Bột bó dùng trong chấn thương chỉnh hình, size 10cm x 2,7m, 1' Cầu tạo: Gồm một miếng gạc cotton được trải thạch cao hơn 97% thạch cao nguyên chất và được cuộn trên một lõi tròn. Trong lượng bột: 440-585 g/m ² . Thời gian đông kết nhanh: 80-110 giây. Mức độ hấp thụ nước: 23-40%. Mức độ chịu lực tác động sau thời gian 30 phút: 5-11 Kg/dm. Mức độ chịu lực sau khi khô hoàn toàn: 9-19 Kg/dm - Ưu điểm: Băng ướt nhanh chóng và đều. Dễ ứng dụng cho kỹ thuật bó bột. Hỗn hợp thạch cao mịn như kem tạo cho bề mặt lớp bột bó đồng nhất và trơn láng. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485		Châu Á	Cuộn	1,000	
13	8	N02.01.010	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Bột bó dùng trong chấn thương chỉnh hình, size 15cm x 2,7m, 1' Cầu tạo: Gồm một miếng gạc cotton được trải thạch cao hơn 97% thạch cao nguyên chất và được cuộn trên một lõi tròn. Trong lượng bột: 440-585 g/m ² . Thời gian đông kết nhanh: 80-110 giây. Mức độ hấp thụ nước: 23-40%. Mức độ chịu lực tác động sau thời gian 30 phút: 5-11 Kg/dm. Mức độ chịu lực sau khi khô hoàn toàn: 9-19 Kg/dm - Ưu điểm: Băng ướt nhanh chóng và đều. Dễ ứng dụng cho kỹ thuật bó bột. Hỗn hợp thạch cao mịn như kem tạo cho bề mặt lớp bột bó đồng nhất và trơn láng. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485		Châu Á	Cuộn	1,000	
14	9	N02.01.020	Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ	Băng thun y tế là sản phẩm dệt từ sợi Polyester và sợi cao su (hoặc hợp chất tương tự). Kích thước: 0,1m x 4,5m Chưa dệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Cuộn	2,200	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	9	N02.01.020	Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ	Băng thun y tế là sản phẩm dệt từ sợi Polyester và sợi cao su (hoặc hợp chất tương tự). Kích thước: 0,075m x 4,5m Chưa tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Cuộn	2,000	
16	10	N02.01.030	Băng cố định khớp trong điều trị chấn thương chỉnh hình các loại, các cỡ	Nền : 100% sợi cotton, số sợi ≥ 160 sợi/10cm, trọng lượng 133-146 g, độ dày 0.84-0.94mm, co giãn $\geq 90\%$ Hỗn hợp keo nóng chảy phù đều, độ dính cao, gồm 7 thành phần chính : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellus AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Trọng lượng khối phủ: 110 ± 10 g/m ² , , lực dính 2-9 N/cm Kiểm tra đạt giới hạn vi sinh theo Dược điển Châu Âu. Đạt tiêu chuẩn ISO.		G7	Cuộn	120	
17	10	N02.01.030	Băng cố định khớp trong điều trị chấn thương chỉnh hình các loại, các cỡ	Nền : 100% sợi cotton, số sợi ≥ 160 sợi/10cm, trọng lượng 133-146 g, độ dày 0.84-0.94mm, co giãn $\geq 90\%$ Hỗn hợp keo nóng chảy phù đều, độ dính cao, gồm 7 thành phần chính : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellus AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Trọng lượng khối phủ: 110 ± 10 g/m ² , , lực dính 2-9 N/cm Kiểm tra đạt giới hạn vi sinh theo Dược điển Châu Âu. Đạt tiêu chuẩn ISO.		G7	Cuộn	100	
18	11	N02.01.040	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ	Băng cuộn y tế 0,07m x 2m: Băng cuộn y tế là dạng Gạc y tế, được dệt từ sợi cotton 100% và được cuộn tròn, dùng để băng bó, bao bọc bên ngoài vết thương. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Cuộn	12,000	
19	11	N02.01.040	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ	Băng keo cá nhân 2cmx6cm: Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, miếng gạc thấm hút băng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene, thấm hút ≥ 500 % , lực dính 2,2-9.4 N/cm, có kiểm tra vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO.		Nhật Bản/Thái Lan/Singapore /Việt Nam	Cuộn, miếng	200,000	
20	12	N02.01.050	Băng dùng trong phẫu thuật, băng bó vết thương, vết loét các loại, các cỡ	Băng cố định 10cm x 10cm: Băng băng vải không đàn dệt, trọng lượng 50g/m ² với 50% viscose, 50% polyester. Lớp keo : trọng lượng keo phủ 43g/m ² . Giấy lót có gờ dễ thao tác, có dầu silicone 62g/m ² , có chia kích thước. Đạt tiêu chuẩn ISO.		G7	Cuộn, miếng	150	
21	12	N02.01.050	Băng dùng trong phẫu thuật, băng bó vết thương, vết loét các loại, các cỡ	Băng vô trùng dán vết thương, cỡ 6cm x 10cm. Vải nền đàn không dệt (Elastic Non-woven fabric) màu nâu, co giãn, thông thoáng. Băng 6cm x 7cm, 4 góc bo tròn tránh bung mép. Trên lớp giấy bảo vệ có thêm 2 miếng băng dán giúp cố định chắc dây truyền, ống truyền. Gạc 1.5cm x 2.5cm thấm hút dịch, cố định, che chắn chỗ kim luồn. Phủ keo Acrylic an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng từng miếng bằng E.O Gas. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, TCCS 02:2021/YC		Việt Nam	Miếng	10,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22	16	N02.02.020	Băng dính các loại, các cỡ	Băng keo lụa size 5cmx5m: Nền : Băng sợi cellulose acetate (Taffeta), số sợi 44x19,5 sợi/cm, trọng lượng 80 ± 3 g/m ² . Dễ xé, không bị tua vải khi xé. Vải Taffeta có xuất xứ nhóm nước G7 Hòn hợp keo nóng chảy phù đều, độ dính cao, gồm 7 thành phần chính : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.000-12.700 cP. Trọng lượng khối phủ: 55 ± 10 g/m ² , lực dính 1,8-5,5 N/cm. Kiểm tra đạt giới hạn vi sinh theo Dược điển Châu Âu. Đạt tiêu chuẩn ISO.		Nhật Bàn/Thái Lan/Singapore /Việt Nam	Cuộn, miếng	1,000	
23	16	N02.02.020	Băng dính các loại, các cỡ	Băng keo lụa size 2.5cmx5m: Nền : Băng sợi cellulose acetate (Taffeta), số sợi 44x19,5 sợi/cm, trọng lượng 80 ± 3 g/m ² . Dễ xé, không bị tua vải khi xé. Vải Taffeta có xuất xứ nhóm nước G7 Hòn hợp keo nóng chảy phù đều, độ dính cao, gồm 7 thành phần chính : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.000-12.700 cP. Trọng lượng khối phủ: 55 ± 10 g/m ² , lực dính 1,8-5,5 N/cm. Kiểm tra đạt giới hạn vi sinh theo Dược điển Châu Âu. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11737-1.		Nhật Bàn/Thái Lan/Singapore /Việt Nam	Cuộn, miếng	15,000	
24	16	N02.02.020	Băng dính các loại, các cỡ	Băng dính có định chắc chắn kim luôn và các thiết bị y tế, đồng thời bảo vệ vùng tổn thương tại vị trí đặt kim luôn. - Kích thước 60x70mm. - Gạc thấm hút tốt với lớp phủ Polyethylene không gây dính vào vết thương khi tháo băng. - Keo dán Acrylic không gây kích ứng da. (có test kiểm định) - Sản phẩm thoáng khí cho phép trao đổi oxy, thoát hơi ẩm. Vải không dệt với độ thoáng khí >1000mm/s ở áp lực thử 100Pa, diện tích thử 20cm ² theo ISO 9237-1995. - Sản phẩm không gây kích ứng da theo ISO 10993-10:2002, TCVN 6972-2001. - Độ dính: Lực bóc bám dính (180°) giữa băng dính/thếp, giữa băng dính/vải phủ nhựa >20 N/m theo ASTM D 903-98. - Tiết trùng bằng Ethylene Oxide. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA		Việt Nam	Cuộn, miếng	70,000	
25	18	N02.03.020	Gạc các loại, các cỡ	Gạc dẫn lưu 2cm x 20cm x 6 lớp (vải không dệt, tiết trùng): Gạc dẫn lưu làm từ vải không dệt ngấm, thành phần nguyên liệu là Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose (hoặc hợp chất tương tự), được tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Cuộn, gói, miếng	2,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26	18	N02.03.020	Gạc các loại, các cỡ	Gạc ép sọ não 2cm x 8cm x 4 lớp (vải không dệt, có cân quang, tiết trùng): Gạc ép sọ não làm từ vải không dệt ngấm, thành phần nguyên liệu là Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose (hoặc hợp chất tương tự), được tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Cuộn, gói, miếng	1,000	
27	18	N02.03.020	Gạc các loại, các cỡ	Gạc phẫu thuật 20cm x 80cm x 4 lớp (có cân quang, không tiết trùng): Gạc phẫu thuật được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1, có sợi cân quang. Đạt tiêu chuẩn 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Cuộn, gói, miếng	4,000	
28	18	N02.03.020	Gạc các loại, các cỡ	Gạc dẫn lưu nội sọ: Gạc được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước nhanh; gạc được gấp thành miếng, quy cách: 1,5cm x 80cm, dày 12 lớp, có đỉnh sợi cân quang bên trong miếng gạc; Gạc có mật độ sợi thường: 8x10 sợi/cm ² . Loại: tiết trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Cuộn, gói, miếng	12,000	
29	18	N02.03.020	Gạc các loại, các cỡ	Gạc y tế khó 0,8m, (1.000 mét/kiện): được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, không được dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2017.		Châu Á	Mét	30,000	
30	18	N02.03.020	Gạc các loại, các cỡ	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1, không cân quang, không tiết trùng. - Kích thước: 10cm x 10cm x 6 lớp		Châu Á	Cuộn, gói, miếng	150,000	
31	32	N02.04.060	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm (bao gồm: miếng xóp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định)	Bình hút áp lực âm: Chất liệu: nhựa PVC nguyên chất trong y tế, không chứa Latex. Bình 3 lít xo, ống nhựa PVC, đầu nối hình chữ "Y", ống dẫn có Trocar. Có Van Anti-Reflux Tiết trùng. Dùng dẫn lưu vết thương 400ml. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 201		Châu Á	Cái	300	
32	33	N03.01.010	Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ	- Xylanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cảm giúp cầm chắc chắn, thân xylanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.		Việt Nam	Cái	1,500	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
33	34	N03.01.020	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	<p>Bơm tiêm 3ml: '- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy rời rĩ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. 		Việt Nam	Cái	200,000	
34	34	N03.01.020	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	<p>Bơm tiêm 50ml: Xy lanh 50ml làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, đốc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện; Gioăng mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bít piston. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy sau khi sử dụng. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tới đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml dễ tiện sử dụng cho trẻ em.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903: 1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</p>		Việt Nam	Cái	3,500	
35	34	N03.01.020	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	<p>Bơm tiêm 10ml: '- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thang chia dung tích hút rỏ đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤0,2ml - Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy rời rĩ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. 		Việt Nam	Cái	180,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
36	34	N03.01.020	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	<p>Bơm tiêm 5ml: '- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thang chia dung tích hút tới đa đến 6ml - Pít tông có khía bề gầy để hùi, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. 		Việt Nam	Cái	250,000	
37	34	N03.01.020	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	<p>Bơm tiêm 1ml: '- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đặt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485, 		Việt Nam	Cái	250,000	
38	34	N03.01.020	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ	<p>Bơm tiêm 20ml: '- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pít tông có khía bề gầy để hùi, không có ba vĩa. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. 		Việt Nam	Cái	15,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
39	36	N03.01.040	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động 50ml :- Có đầu khóa vặn xoắn Luer Lock Vật liệu polypropylene Độ trong suốt cao Độ tương phản cao Pit tông để dàng rút thể tích tối đa (60ml) Không có kim tiêm kèm theo ISO 10993 ISO 7886 - 1 DIN EN 30993 Đạt tiêu chuẩn EN ISO 2012:13485 Chứng nhận CE Chấp nhận FDA 		Châu Âu	Cải	12,000	
40	36	N03.01.040	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện: Dung tích 50ml. Xylan làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, đục xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện; Gioăng mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bít piston. Để dàng quan sát thể tích làm đầy. Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy sau khi sử dụng. Vạch chia hiệu lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903: 1995, tiêu chuẩn tịnh trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. 		Việt Nam	Cải	20,000	
41	38	N03.01.060	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Bơm tiêm insulin: - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 30Gx1/2" và 30Gx5/16" Bơm tiêm in đồng thời vạch chia cho cả 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). Gioăng có núm giúp di hết hành trình của thuốc. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 (TUV) ISO 9001:2015 TCVN 13375:2021. 		Việt Nam	Cải	350,000	
42	38	N03.01.060	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> 100IU/1ml, Kim ngắn 8mm (5/16") có thể tiêm thẳng góc 90 độ, đầu kim 3 mặt vát, phủ silicone, thành kim siêu mỏng 0.075mm tiêm không đau, mau lành, không khoáng chất (≤0.0035ml), không dịch tồn dư, ống tiêm trong suốt, mực black pigment sắc nét. Tiêu chuẩn EN ISO 13485 2016, CE, CFS. 		Indonesia	Cải	150,000	
43	46	N03.02.060	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Kim rút thuốc các số G18, G20, G23, Vi đung kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE EN ISO 13485:2016 (TUV) ISO 9001:2015 EN ISO 11135: 2014. 		Việt Nam	Cải	220,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
44	47	N03.02.070	Kim luân mạch máu các loại, các cỡ	<p>Kim luân mạch máu size 22G: - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luân có cánh, có cửa, tốc độ chảy 36ml/phút, Tốc độ chảy 2160 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC - ISO 10555-5 - Bảng sáng chế : 1-0016123 (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam) 		Nhật Bản/Malaysia/ Thái Lan/Việt Nam	Cái	60,000	
45	47	N03.02.070	Kim luân mạch máu các loại, các cỡ	<p>Kim luân mạch máu size 24G :- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luân có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC - ISO 10555-5 - Bảng sáng chế : 1-0016123 (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam) - Chứng nhận 510k của FDA 		Nhật Bản/Malaysia/ Thái Lan/Việt Nam	Cái	20,000	
46	47	N03.02.070	Kim luân mạch máu các loại, các cỡ	<p>Kim luân mạch máu size 18G :- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luân có cánh, không cửa, tốc độ chảy 100ml/phút, 6000ml/giờ. - Đường kính và độ dài catheter: 1.3mm x 45mm - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC - ISO 10555-5 - Bảng sáng chế : 1-0016123 (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam) - Chứng nhận 510k của FDA 		Nhật Bản/Malaysia/ Thái Lan/Việt Nam	Cái	7,000	
47	49	N03.02.090	Nút chặn đuôi kim luân (có hoặc không có heparin) các loại, các cỡ	<p>Nút chặn đuôi kim luân không có công bơm thuốc, được làm từ nhựa High-Density Polyethylene (HDPE).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (chiều dài): 10-10.5mm. - Đầu nối: male luer 6% kết nối chắc chắn, kín khít. - Không gây sốt. - Tiết trùng bằng Ethylene Oxyde. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 và GMP FDA. 		Việt Nam	Cái	40,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
48	56	N03.03.070	Kim gây tê, gây mê các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ 18G-27G - Chỉ định: <ul style="list-style-type: none"> + Gây tê tủy sống (tiêm thuốc tê vào khoang dưới nhện khi tiến hành chặn đoán, thủ thuật phẫu thuật, giảm đau). + Chọc dò tủy sống (thút dịch não tủy để làm chẩn đoán) - Được làm bằng thép y tế không ri theo tiêu chuẩn ISO9626. - Đầu kim Quincke có ba mặt vát sắc bén, cho phép lực đâm nhỏ, tối thiểu chấn thương và nguy cơ đau nhức đầu sau chọc. - Có điểm đánh dấu màu xanh trên chuỗi kim giúp xác định vị trí mặt vát hướng lên. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Kim lọc thận nhân tạo: "- Kim 16, 17G x 1" (25mm). - Đường kính kim 16G ID: 1,45 mm, OD: 1,65 mm; Kim 17G ID: 1,27 mm, OD: 1,47 mm - Đường kính ống dây ID: 3,2 mm, OD: 5,0 mm; dây dài 30 cm - Tổng chiều dài: 370 ± 10mm, tổng lượng kim 16G: 7.43 ± 2.0g, tổng trọng lượng kim 17G: 7.67 ± 2.0g - Cảnh bướt xoay được quanh kim, có back-eye - Tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485 						
49	57	N03.03.080	Kim lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ 18G-27G - Chỉ định: <ul style="list-style-type: none"> + Gây tê tủy sống (tiêm thuốc tê vào khoang dưới nhện khi tiến hành chặn đoán, thủ thuật phẫu thuật, giảm đau). + Chọc dò tủy sống (thút dịch não tủy để làm chẩn đoán) - Được làm bằng thép y tế không ri theo tiêu chuẩn ISO9626. - Đầu kim Quincke có ba mặt vát sắc bén, cho phép lực đâm nhỏ, tối thiểu chấn thương và nguy cơ đau nhức đầu sau chọc. - Có điểm đánh dấu màu xanh trên chuỗi kim giúp xác định vị trí mặt vát hướng lên. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Kim lọc thận nhân tạo: "- Kim 16, 17G x 1" (25mm). - Đường kính kim 16G ID: 1,45 mm, OD: 1,65 mm; Kim 17G ID: 1,27 mm, OD: 1,47 mm - Đường kính ống dây ID: 3,2 mm, OD: 5,0 mm; dây dài 30 cm - Tổng chiều dài: 370 ± 10mm, tổng lượng kim 16G: 7.43 ± 2.0g, tổng trọng lượng kim 17G: 7.67 ± 2.0g - Cảnh bướt xoay được quanh kim, có back-eye - Tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485 						
50	66	N03.04.010	Kim châm cứu các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ 18G-27G - Chỉ định: <ul style="list-style-type: none"> + Gây tê tủy sống (tiêm thuốc tê vào khoang dưới nhện khi tiến hành chặn đoán, thủ thuật phẫu thuật, giảm đau). + Chọc dò tủy sống (thút dịch não tủy để làm chẩn đoán) - Được làm bằng thép y tế không ri theo tiêu chuẩn ISO9626. - Đầu kim Quincke có ba mặt vát sắc bén, cho phép lực đâm nhỏ, tối thiểu chấn thương và nguy cơ đau nhức đầu sau chọc. - Có điểm đánh dấu màu xanh trên chuỗi kim giúp xác định vị trí mặt vát hướng lên. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Kim lọc thận nhân tạo: "- Kim 16, 17G x 1" (25mm). - Đường kính kim 16G ID: 1,45 mm, OD: 1,65 mm; Kim 17G ID: 1,27 mm, OD: 1,47 mm - Đường kính ống dây ID: 3,2 mm, OD: 5,0 mm; dây dài 30 cm - Tổng chiều dài: 370 ± 10mm, tổng lượng kim 16G: 7.43 ± 2.0g, tổng trọng lượng kim 17G: 7.67 ± 2.0g - Cảnh bướt xoay được quanh kim, có back-eye - Tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485 						
51	67	N03.05.010	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, ống chia, ống nối đi kèm)	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ 18G-27G - Chỉ định: <ul style="list-style-type: none"> + Gây tê tủy sống (tiêm thuốc tê vào khoang dưới nhện khi tiến hành chặn đoán, thủ thuật phẫu thuật, giảm đau). + Chọc dò tủy sống (thút dịch não tủy để làm chẩn đoán) - Được làm bằng thép y tế không ri theo tiêu chuẩn ISO9626. - Đầu kim Quincke có ba mặt vát sắc bén, cho phép lực đâm nhỏ, tối thiểu chấn thương và nguy cơ đau nhức đầu sau chọc. - Có điểm đánh dấu màu xanh trên chuỗi kim giúp xác định vị trí mặt vát hướng lên. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Kim lọc thận nhân tạo: "- Kim 16, 17G x 1" (25mm). - Đường kính kim 16G ID: 1,45 mm, OD: 1,65 mm; Kim 17G ID: 1,27 mm, OD: 1,47 mm - Đường kính ống dây ID: 3,2 mm, OD: 5,0 mm; dây dài 30 cm - Tổng chiều dài: 370 ± 10mm, tổng lượng kim 16G: 7.43 ± 2.0g, tổng trọng lượng kim 17G: 7.67 ± 2.0g - Cảnh bướt xoay được quanh kim, có back-eye - Tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485 						

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
52	69	N03.05.030	Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ	<p>Bộ dây truyền máu: Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Dây dài ≥ 1500mm hoặc điều chỉnh theo yêu cầu, làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200μm, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 (TUV) ISO 9001:2015.</p>		Việt Nam	Bộ	1,500	
53	70	N03.05.040	Dây nối đi kèm dây truyền các loại, các cỡ	<p>Dây nối bơm tiêm điện có khoá kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong ≤ 0.9mm, đường kính ngoài ≤ 1.9mm, có khoá chặn dòng. Độ dài của dây nối có đủ các cỡ 30/75/140/150 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</p>		Việt Nam	Cái	13,000	
54	71	N03.05.050	Dây truyền dịch dùng cho máy truyền tự động các loại, các cỡ	<p>Dây truyền dịch dùng cho máy máy truyền dịch tự động: Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</p> <p>Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn.</p> <p>Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 8.5ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu$m.</p> <p>Có bầu cao su tiếp thuốc.</p> <p>Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700mm.</p> <p>Bao bì có miếng giấy thoát khí EO để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p> <p>Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1".</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE ; TCVN 6591-4: 2008; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485</p>		Việt Nam	Cái	3,000	
55	72	N03.05.060	Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ	<p>- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được và khóa luer-lock.</p> <p>- Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ.</p> <p>- Khóa không hở, thông tốt, độ nhay tốt, dễ điều chỉnh. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 (TUV) ISO 9001:2015.</p>		Việt Nam	Cái	2,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
				<p>- Găng tay cao su y tế có bột dài 240mm, trọng lượng 5.0g (M), thành phần Latex cao su tự nhiên, chất độn, chất lưu hóa, bột hấp biến tính</p> <p>70 ± 10 (XS) 80 ± 10 (S) 90 ± 10 (M) 110 ± 10 (L) XL ≥ 111 (XL)</p> <p>Độ dày vùng trơn nhẵn: Tối thiểu 0.08mm, Tối đa 2.00mm</p> <p>Độ dày vùng nhám: Tối thiểu: 0.11mm, tối đa: 2.03mm</p> <p>Hàm lượng bột ≤ 10mg/dm</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA. Quy cách: 50 đôi/hộp</p>						
56	75	N03.06.030	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	<p>Loại găng tay y tế nitrile không tiết trùng, không bột, sử dụng chlorine để làm trơn bề mặt tiếp xúc để dễ đeo găng. Chất liệu 100% nitrile (Acrylonitrile – butadiene). Các cỡ size S, M, L, XL Thuận cả hai tay, đầu ngón nhám, cổ tay được se viền, không dị ứng, óm sát, dẻo dai, không rách khi đeo. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA. Quy cách: 50 đôi/hộp</p>		Việt Nam	Đôi	200,000		
57	75	N03.06.030	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	<p>Găng tay phẫu thuật tiết trùng các cỡ: Được làm từ cao su tự nhiên, có phủ bột ngô hấp thụ USPXX1 Tiết trùng từng đôi:</p> <p>- Chiều dài tối thiểu 280mm</p> <p>- Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.12mm, độ dày ngón tay tối thiểu 0.14mm, độ dày cổ tay tối thiểu 0.10mm - Đóng gói trong túi dạng Peel down</p> <p>- Trọng lượng size 6.5: 8.0g; size 7.0: 9.0g; size 7.5: 10g - Sản phẩm đạt chất lượng: ISO 13485, ISO 9001.</p>		Việt Nam	Đôi	120,000		
58	77	N03.06.050	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	<p>Găng tay sản khoa tiết trùng: Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ lớp bột ngô chống dính. Chiều dài 490 ± 10mm, bề dày: min 0,15mm. Chiều rộng lòng bàn găng tay: size số 7: 89±5mm, Số 7,5: 95±5mm.</p> <p>*Cường lực kéo đứt:- Trước lão hóa min 12.5 N - Sau lão hóa: 9,5 N.</p> <p>*Độ giãn dài khi đứt:- Trước lão hóa min 700% - Sau lão hóa: min 550%.</p> <p>Tiết trùng bằng khí E.O. Sản phẩm đạt chất lượng: ISO 13485.</p>		Việt Nam	Đôi	30,000		
59	77	N03.06.050	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	<p>Túi đựng nước tiêu: Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại.</p> <p>Túi đựng nước tiêu: Dung tích 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đám bảo kim không rò rỉ. Có băng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiêu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiếu niệu.</p> <p>- Van xả thoát dây chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC.</p> <p>- Thân túi có băng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng.</p> <p>- Sản phẩm được tiết trùng bằng khí E.O. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>		Việt Nam	Đôi	1,000		
60	83	N03.07.060	Túi lọ, cassette (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiết, dịch xả các loại, các cỡ			Việt Nam	Cái	3,500		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
61	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Óng nghiệm EDTA K2 2ml nắp cao su xanh dương, mous thấp. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) K2</p> <p>* Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).</p> <p>* Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml trên nhãn ống.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS</p>	Việt Nam	Cái	120,000		
62	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Óng nghiệm Chimigly 2ml nắp xám, mous thấp. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Sodium Flouride và EDTA K2,</p> <p>* Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Dùng xét nghiệm đường (duy trì đường huyết không thay đổi trong vòng 36-48h sau khi lấy máu) và các xét nghiệm sinh hóa (trừ Na+)</p> <p>* Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS</p>	Việt Nam	Cái	40,000		
63	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Óng nghiệm Serum hạt to, nắp đỏ. * Hóa chất bên trong là hạt nhựa Poly Styrene . . giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút.</p> <p>* Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Dùng tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS</p>	Việt Nam	Cái	40,000		
64	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Óng nghiệm Citrate 3,8%/2ml nắp xanh lá, mous thấp. * Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate 3.8%.</p> <p>* Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống.</p> <p>* Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS</p>	Việt Nam	Cái	40,000		
65	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml, nắp đỏ, không nhãn. * Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 55ml.</p> <p>* Kích thước : chiều cao 60mm, đường kính 35mm.</p> <p>* Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS.</p>	Việt Nam	Cái	20,000		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
66	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Lọ nhựa đựng phân không có chất bảo quản 50 ml, nắp vàng có nhãn. * Lọ nhựa PS trắng trong, dung tích 50ml. Có nhãn màu trắng, nắp màu vàng, có thìa lấy mẫu phân bên trong. * Sử dụng nhựa y tế trung tính không phản ứng với bệnh phẩm bên trong. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS.		Việt Nam	Cái	40,000	
67	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ông nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5 ml, nắp trắng. Nhựa PP y tế, trung tính không phản ứng với hóa chất. Thẻ tích 1,5ml, có vạch thể tích trên thành ống. Thành tron láng chống sự bám dính của mẫu bệnh phẩm. Dùng lưu mẫu và vận chuyển mẫu. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS		Việt Nam	Cái	50,000	
68	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ông nghiệm EDTA K3, 0.5 ml nắp bất (Nhì) màu trắng, mous thấp. * Ông nghiệm là ống đựng huyết thanh 2ml nắp bất. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong màu nhất là tiêu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ông nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng) * Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). * Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 0.5ml có thể dùng máu mao mạch chuyên dùng cho các bệnh nhân nhi. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS		Việt Nam	Cái	12,000	
69	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ông nghiệm Heparin lithium, 2ml nắp đen, mous thấp. * Bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ông nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml trên nhãn ông. * Dùng xét nghiệm Ion độ Na ⁺ , K ⁺ , Ca ²⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺ . Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcool trong máu. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS.		Việt Nam	Cái	120,000	
70	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ông nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, không nhãn. * Kích thước 13x75mm. Nhựa PS trắng trong không nắp, dung tích tối đa 6ml * Sử dụng nhựa y tế trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS		Việt Nam	Cái	50,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
71	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Ống nghiệm nhựa PS 10ml nắp trắng, không nhãn. * Kích thước 16x100mm. Nhựa PS trắng trong, nắp ấn trong màu trắng, dung tích tối đa 14ml.</p> <p>* Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS.</p>		Việt Nam	Cái	50,000	
72	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Lọ nhựa đựng mẫu PS tiết trùng 55ml, nắp đỏ, có nhãn. * Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ dung tích 55ml.</p> <p>* Kích thước: Chiều cao 60mm, đường kính 35mm.</p> <p>* Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong.</p> <p>* Tiết trùng bằng tia Gamma.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>		Việt Nam	Cái	12,000	
73	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml, nắp trắng, có nhãn. * Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu trắng, dung tích 55ml.</p> <p>* Kích thước: chiều cao 60mm, đường kính 36mm.</p> <p>* Sử dụng nhựa y tế trung tính không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS</p>		Việt Nam	Cái	12,000	
74	84	N03.07.070	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	<p>Lọ nhựa đựng mẫu PS 50ml, nắp vàng, có nhãn. * Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu vàng, dung tích 50ml.</p> <p>* Kích thước: Chiều cao 65mm, đường kính 35mm.</p> <p>* Sử dụng nhựa y tế trung tính không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS</p>		Việt Nam	Cái	10,000	
75	85	N03.07.080	Túi hậu môn nhân tạo	Túi hậu môn nhân tạo		Việt Nam	Cái	100	
76	86	N04.01.010	Ca-nuyn (cannula) các loại, các cỡ	Airway các cỡ số: Bằng nhựa Polyethylen màu trắng không độc hại. Chuôi khối cần mỗi size có màu riêng biệt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Cái	2,000	
77	88	N04.01.030	Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản carlene)	Ống đặt nội khí quản các số, có bóng: Được làm từ PVC không độc hại, trong suốt, mềm và mịn, loại có bóng chèn. Bóng chèn khí quản thể tích lớn. Chỉ có một lỗ vít cuối ống. Có dải cân quang dọc theo thân ống. Chiều dài đầu nối: 15mm.- Tiết trùng bằng khí EO - Tiêu chuẩn: ISO 13485.		Châu Á	Cái	2,500	
78	93	N04.01.090	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Thông (sonde) J-J, phủ hydrophilic. Các cỡ 5,6,7Fr. Chiều dài 26cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, FDA.		G7	Cái	600	
79	93	N04.01.090	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 (TUV) ISO 9001:2015.		Việt Nam	Cái	1,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
80	93	N04.01.090	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Sond hậu môn các số: Làm từ PVC mềm không độc hại, không gây kích ứng. • Co nới có màu được mã hóa để xác định kích thước. • Không Có X-quang. • Chiều dài ống thông tiêu chuẩn: 400mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Việt Nam	Cái	100	
81	93	N04.01.090	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Sond Nelaton số các số: Làm từ cao su thiên nhiên Tráng phủ silicon Các size Fr 08 đến Fr 18 , chiều dài tối đa 400mm. - Tiêu chuẩn: ISO 13485.		Châu Á	Cái	1,000	
82	93	N04.01.090	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Thông foley 2 nhánh, các cỡ số: Làm từ cao su thiên nhiên Tráng phủ silicon Van nhựa hoặc van cao su Màu được mã hóa để xác định kích thước Fr 06 đến Fr 10: Chiều dài (270mm), Dung tích bóng (3cc / 5cc) Fr 12 đến Fr 22: Chiều dài (400mm), Dung tích bóng (10cc / 30cc) Fr 24 đến Fr 26: Chiều dài (400mm), Dung tích bóng (10cc / 30cc). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Cái	2,000	
83	94	N04.02.010	Bộ rửa dạ dày sử dụng một lần các loại, các cỡ	Bộ bơm rửa dạ dày: Hỗ trợ trong việc súc rửa dạ dày bằng hệ thống khép kín. Làm từ mũ cao su tự nhiên, được đóng gói riêng lẻ trong túi từng cái. 28mm và 22mm.. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Bộ	200	
84	96	N04.02.030	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ	Làm dẫn lưu (Penrose Drain). - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không mùi, màu sắc tự nhiên, không gây dị ứng. - Dung để dẫn lưu dịch trong cơ thể ra ngoài. - Tiết trùng bằng khí EO. Chỉ sử dụng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Cái	500	
85	98	N04.02.050	Ống hút thai các loại, các cỡ	Ống hút thai: Các số: 4, 5, 6. Được tiết trùng bằng khí E.O. Sản xuất bằng nhựa PVC. Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trơn láng không bavia. HSD > 48 tháng. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 (TUV)/ISO 9001:2015.		Việt Nam	Cái	1,000	
86	98	N04.02.050	Ống hút thai các loại, các cỡ	Ống hút thai nhỏ: Ống hút làm từ nhựa LDPE màu trắng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Kích thước ống hút điều kinh từ số 4 đến 6 Tiệt trùng bằng khí E.O HSD : 5 năm kể từ ngày sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Việt Nam	Cái	500	
87	98	N04.02.050	Ống hút thai các loại, các cỡ	Ống hút thai nhỏ: Ống hút làm từ nhựa LDPE màu trắng Kích thước ống hút điều kinh phi 7,8,9. Tiệt trùng bằng khí E.O. HSD : 5 năm kể từ ngày sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Việt Nam	Cái	500	
88	99	N04.02.060	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Dây hút dịch phẫu thuật: Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7,7/9,9/10,5 mm. Đường kính trong ống: 5/6,3/7,7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.		Việt Nam	Cái	3,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
89	99	N04.02.060	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Dây hút dịch phẫu thuật các số. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.		Việt Nam	Cái	3,000	
90	101	N04.03.010	Bộ dây dẫn dịch vào khớp các loại, các cỡ	Dây bơm nước sử dụng trong phẫu thuật nội soi khớp tương thích máy. Lưu lượng nước lên tới 2.5l/phút, có hộp điều khiển. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		G7	Bộ	50	
91	102	N04.03.020	Bộ dây lọc máu các loại, các cỡ	Bộ dây lọc máu: - Bộ dây bao gồm: Bộ dây lọc máu: 01 bộ gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch, phin lọc khí (transducer protector), dây truyền dịch, túi dịch xả 2 lít - Đường kính dây bơm: 8x12mm, dài 350mm hoặc 420mm - Sản xuất từ chất liệu PVC mềm, chống xoắn, không chứa DEHP - Bề mặt nhỏ giọt đường kính 20mm hoặc 22mm, có màng lọc; có T connector (dây kết nối chữ T) - Tổng chiều dài dây động mạch: 3900 ± 100mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 4900 ± 100mm, trọng lượng dây động mạch: 150g ± 5%, trọng lượng dây tĩnh mạch: 189g ± 5%; hoặc Tổng chiều dài dây động mạch: 3800 ± 100mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 4900 ± 100mm, trọng lượng dây động mạch: 158g ± 5%, trọng lượng dây tĩnh mạch: 204g ± 5% - Tiệt trùng bằng khí EO - Tiêu chuẩn: ISO 13485, EC		Châu Á	Bộ	5,500	
92	103	N04.03.030	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây thở ô-xy 2 nhánh: - Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gấp. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016 (TUV) ISO 9001:2015.		Việt Nam	Cái	15,000	
93	103	N04.03.030	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây thở ô-xy 1 nhánh: Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm có chiều dài 400 mm, một đầu dây được gắn với có nối, đầu còn lại được bo tròn. Có 04 cặp lỗ nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10mm, 20mm, 30mm, 40mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Cái	3,000	
94	113	N04.04.010	Ống thông (catheter) các loại, các cỡ	Bộ catheter 2 nòng các cỡ số, sử dụng trong kỹ thuật lọc máu		G7	Bộ	20	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
95	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi silk số 2/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chi phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chi được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	500	
96	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi silk số 2/0 kim tròn 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chi phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chi được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	400	
97	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi silk số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chi phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chi được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	400	
98	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi silk số 3/0 kim tròn 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chi phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chi được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	700	
99	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi silk số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chi phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chi được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	800	
100	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi silk số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chi phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chi được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	1.000	
101	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi silk số 5/0 kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chi phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chi được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	900	
102	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi silk số 1 kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chi phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chi được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	1.200	
103	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi nylon Số 2/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu diệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	1.800	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
104	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi nylon Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	3,000	
105	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi nylon Số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	2,300	
106	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi nylon Số 5/0 kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	1,200	
107	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi nylon Số 6/0 kim tam giác 3/8C, kim 12mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	300	
108	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi nylon Số 10/0 2 kim hình thang 3/8C, kim 6.2mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 30cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	120	
109	120	N05.02.030	Chi khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chi không tiêu số 2 kềm kim, kim có hình dạng bán nguyệt. Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW) polyethylene và polypropylene siêu bền. Dài 38 Inch. Đã tiết trùng. Sức căng 227N (51lb), độ bền kéo 138N (31lb). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		Châu Mỹ	Sợi	30	
110	122	N05.02.050	Chi khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi Atraloc SH-2 plus dài 20mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy(Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric) có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MP, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA		Châu Mỹ	Tép	180	
111	122	N05.02.050	Chi khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi SH plus dài 26mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric) có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MP, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA		Châu Mỹ	Tép	180	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
112	122	N05.02.050	Chi khâu tiêu châm các loại, các cỡ	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 70cm, 1 kim tam giác thuận FS-3 CONV dài 16mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy(Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric) có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2500 MP. Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA.		Châu Mỹ	Tép	180	
113	122	N05.02.050	Chi khâu tiêu châm các loại, các cỡ	Chi catgut số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chi được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chi sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	500	
114	122	N05.02.050	Chi khâu tiêu châm các loại, các cỡ	Chi catgut Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chi được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chi sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	1,000	
115	122	N05.02.050	Chi khâu tiêu châm các loại, các cỡ	Chi catgut Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chi được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chi sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	300	
116	122	N05.02.050	Chi khâu tiêu châm các loại, các cỡ	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dung Polyglycolic acid, Bê mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	900	
117	122	N05.02.050	Chi khâu tiêu châm các loại, các cỡ	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dung Polyglycolic acid, Bê mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	900	
118	122	N05.02.050	Chi khâu tiêu châm các loại, các cỡ	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dung Polyglycolic acid, Bê mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE		Châu Âu	Tép	800	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
119	123	N05.02.060	Chi khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chi tan tổng hợp 8/0 đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 8/0 dài 45cm, 2 kim bằng hợp kim Ethalloy kim đầu hình thang Micropoint TG140-8 bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 6.5mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS.	Châu Mỹ	Tép	120		
120	123	N05.02.060	Chi khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn SH, dài 26mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy(Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric) có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA	G7	Tép	360		
121	123	N05.02.060	Chi khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 2/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn SH, dài 26mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy(Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric) có phủ silicone cải tiến, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA	G7	Tép	360		
122	126	N05.02.090	Chi khâu tiêu trung bình các loại, các cỡ	Chi tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly(glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 2/0, chỉ dài 90cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn dài 37mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 24.59N. Sức căng kéo giảm 50% sau 5 ngày, 100% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau 42 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Châu Âu	Tép	360		
123	126	N05.02.090	Chi khâu tiêu trung bình các loại, các cỡ	Chi tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly(glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 26mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 16.09N. Sức căng kéo giảm 50% sau 5 ngày, 100% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau 42 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Direct Depense Packaging (DDP). Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Châu Âu	Tép	360		
124	129	N05.03.030	Dao mổ liên cán sử dụng một lần các loại, các cỡ	Dao mổ phaco: Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, mài theo công nghệ cạnh mài ngang. Kích thước lưỡi dao ngang: 2.8mm, dày 0.14mm, cạnh mài ngang, hai mặt vát, gập góc 45 độ. Đầu lưỡi dao có hộp nhựa tròn bảo vệ 360 độ tăng tính an toàn. Cán dao màu đỏ. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Việt Nam	Cái	300		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
125	129	N05.03.030	Dao mổ liên cần sử dụng một lần các loại, các cỡ	Dao mổ phaco: Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, mài theo công nghệ cạnh mài ngang. Dao thẳng, góc 15 độ, cạnh mài ngang, hai mặt vát. Đầu lưỡi dao có hộp nhựa tròn bảo vệ 360 độ tăng tính an toàn. Cán dao màu hồng. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA		Việt Nam	Cái	300	
126	130	N05.03.040	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Dao phẫu thuật đơn cực: Thân có 2 nút bấm "Cut-Coag" có phân biệt màu sắc để kích hoạt cắt – đốt; Connector nối vào máy cắt đốt là loại 3 châu chuẩn; Giảm áp lực lên đôi tay trong quá trình phẫu thuật. Dùng 1 lần, đóng gói vô trùng. Tương thích với nhiều loại dao mổ điện khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Cái	1,000	
127	130	N05.03.040	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Đầu đốt mô mềm dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. Khe hút đơn hình ngôi sao. Đầu mũi nghiêng 90°. Đường kính mũi (tối đa) 5.5mm, đường kính thân 3.5 mm. Điện cực đốt gồm 4 viên cầu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		Châu Mỹ	Cái	10	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
128	130	N05.03.040	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưới dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	<ul style="list-style-type: none"> Đầu đốt dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. Phần cách nhiệt được phủ vật liệu PET (polyethylene terephthalate). Tạo plasma dày 100-200µm giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại Có đường hút nước Đường kính mũi 5.25mm Đường kính phần thân 3.75mm Chiều dài làm việc: 5.4 inch (tương đương với 13.7cm) Đầu mũi nghiêng 90° Có chế độ tự ngắt Có nhiều công. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA. 		Châu Mỹ	Cái	50	
129	132	N05.03.060	Lưới bảo, lưới cắt, dao cắt sụn, lưới đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	Lưới mài xương khớp có chiều dài 130mm, các đường kính là 4mm và 5.5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS		G7	Cái	5	
130	132	N05.03.060	Lưới bảo, lưới cắt, dao cắt sụn, lưới đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	* Lưới bảo khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Dùng 1 lần, bảo cắt lọc mô xơ, thiết kế rỗng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. Có chiều dài 130mm, các đường kính là 3mm, 4mm và 5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS		G7	Cái	40	
131	132	N05.03.060	Lưới bảo, lưới cắt, dao cắt sụn, lưới đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	* Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF gồm phần tay cầm có nút bấm có thể tái sử dụng nhiều lần, phần thân (lưới đốt) dùng một lần. Có chức năng hút nước. Phần dây hút nước dài 35cm, Phần dây điện kết nối với tay cầm dài 4m. Có các loại đầu đốt cong 90° và cong 45°, chiều dài 150mm. Sử dụng cho phẫu thuật nội soi khớp háng, khớp gối và khớp vai * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS		G7	Cái	5	
132	132	N05.03.060	Lưới bảo, lưới cắt, dao cắt sụn, lưới đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	Lưới bảo xương ngược chiều dùng trong nội soi khớp các cỡ, rỗng nông: Sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside. Một hộp bao gồm mũi khoan ngược, mũi khoan dẫn đường 2.4mm và cây rút chỉ. Khoan tiến tạo đường hầm đường kính 4.9mm. Lưới cắt có thể thu vào, bảo ngược tạo đường hầm đường kính 5.5mm - 12mm, bước tăng 0.5mm. Có ống đo chiều dài cầu xương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		G7	Cái	30	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
133	132	N05.03.060	Lưới bảo, lưới cắt, dao cắt sun, lưới đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	Lưới bảo xương thẳng sử dụng trong nội soi khớp, có vạch màu chốt, mã màu theo cỡ để nhận diện, đã tiệt trùng. Đường kính: 4.0mm, 5.5mm. Tốc độ tối đa 8000 vòng/phút. Tương thích với máy. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		G7	Cải	10	
134	132	N05.03.060	Lưới bảo, lưới cắt, dao cắt sun, lưới đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	Lưới bảo cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp. Thẳng, dùng một lần, mã màu theo cỡ để nhận diện. Thiết kế có răng hoặc không răng, đường kính 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm. Tương thích máy bảo. Có tính năng khóa cửa sổ hút. Có hai chế độ cắt dao động. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		G7	Cải	50	
135	134	N05.03.080	Lưới dao mô sử dụng một lần các loại, các cỡ	Lưới dao mô các cỡ số 11, 15, 20: Bằng thép carbon không gỉ. Mỗi lưới dao được đóng gói trong lớp giấy bạc chống gỉ. Đóng gói tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Cải	20,000	
136	135	N05.03.090	Lưới cắt, đốt bằng sóng radio các loại, các cỡ	Lưới cắt đốt mô bằng sóng radio: <ul style="list-style-type: none"> • Đầu đốt dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. Phần cách nhiệt được phủ vật liệu PET (polyethylene terephthalate). • Tạo plasma dày 100-200µm giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh • Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại • Có đường hút nước • Đường kính mũi 5.25mm • Đường kính phần thân 3.75mm • Chiều dài làm việc: 5.4 inch (tương đương với 13.7cm) • Đầu mũi nghiêng 90° • Có chế độ tự ngắt • Có nhiều công. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA. 		Châu Mỹ	Cải		
137	153	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo)	Thủy tinh thể nhân tạo: Chất liệu Hydrophobic Acrylic tinh khiết không lấp lánh. Chiều dài tổng thể (Length): ≤ 13.0 mm, Đường kính (Optic): ≤ 6.0mm, Đặc điểm: Phi cầu (hiệu chỉnh quang sai ≤ 0.20µ), Dây công suất (Power): -10.0 -> 36.0 D, Chỉ số khúc xạ (Refractive Index): ≤ 1.48 tại 35độ, Hàng số A: ≥ 118.0 (Nominal), A: ≥ 119.2 (SRK/T), A: ≥ 119.6 (SRKII), Độ sâu tiền phòng (ACD): ≥ 5.68, Lọc tia UV, kết hợp lọc ánh sáng xanh, Thiết kế 1 mảnh, căng điều chỉnh vòng lặp C-loop đảm bảo tương thích với các kích cỡ bao khác nhau, Góc căng tiếp xúc ≥ 1.5 độ. Thiết kế cạnh: vuông sắc nét 360 độ, cạnh bên nhám nhằm chống chói. Kính lắp sẵn trong injector cartridge (Preloaded) - cho phép đặt qua vết mổ nhỏ 2.0mm. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FSC.	Máy phẫu thuật Phaco. Xuất xứ thiết bị: G7.	G7	Cải	500	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
138	153	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo)	<p>Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, đặt trong túi bao, đã được lắp sẵn trong injector (preloaded)</p> <p>- Vật liệu: CBK 1.8 không ngậm nước (Hydrophobic acrylic), Cấu tạo: 1 mảnh, 4 cẳng, Đường kính optic: từ 5.8mm - 6.15 mm. - Đường kính tổng thể: dài từ ≥ 10.5mm - ≤ 11.00 mm, thiết kế 1 mảnh rìa cạnh sắc vuông 360°. Thiết kế quang học (optic): Phi cầu, với quang sai hình cầu âm tính để điều chỉnh một phần quang sai giác mạc, Góc cẳng: $\geq 5^\circ$, Dải công suất: Từ 0.0D đến +35.0D, Hằng số A ước tính (SRK-T): 119.3 Đo bằng siêu âm; 119.7 Đo bằng laser can thiệp</p> <p>- Độ sâu tiền phòng để xuất (ACD): ≥ 5.77 mm khi đo bằng siêu âm; ≥ 6.03 mm khi đo bằng laser can thiệp, Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.54 -Phương pháp vô khuẩn: Ethylene oxide, có thể đặt qua vết mổ nhỏ 2mm. Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FSC</p>	Máy phẫu thuật Phaco. Xuất xứ thiết bị: G7.	G7	Cái	600	
139	153	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo)	<p>Thủy tinh thể nhân tạo: Loại kính đặt trong túi bao, đã được lắp sẵn trong injector (Preloaded), lọc ánh sáng xanh.</p> <p>Đường kính optic: từ 5.8mm-6.15mm, Đường kính toàn bộ: dài từ ≥ 11.5mm - ≤ 11.78mm. Thiết kế 1 mảnh bờ góc vuông 360°, kiểu cẳng dạng C-loop hay Z.</p> <p>Thiết kế optic: phi cầu, loại bờ cầu sai giác mạc. Góc cẳng: $\geq 5^\circ$. Chất liệu: hydrophobic Acrylic.</p> <p>Phạm vi diop: từ 0D đến 35D, cách khoảng 0.5D</p> <p>Hằng số đề nghị (SRK-T): ≥ 119.3 đo bằng siêu âm, 119.7 đo bằng laser. Độ sâu tiền phòng đề nghị (ACD): ≥ 5.77mm khi đo bằng siêu âm, 6.03 đo bằng laser. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.54, Phương pháp vô khuẩn: Ethylene oxide có thể đặt qua vết mổ 2.0mm. Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FSC.</p>	Máy phẫu thuật Phaco. Xuất xứ thiết bị: G7.	G7	Cái	600	
140	153	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo)	<p>Thủy tinh thể nhân tạo: Loại kính, đặt trong túi bao, đã được lắp sẵn trong injector (preloaded). Đường kính optic: từ 5.8mm-6.0mm (từ 10D đến 25D), 5.8mm (từ 25.5D đến 35D), Đường kính toàn bộ: từ ≥ 10.5 - ≤ 10.79mm, Thiết kế 1 mảnh bờ góc vuông 360°, Optic: phi cầu, loại bờ cầu sai giác mạc, đa tiêu cự bề mặt bán phân trước, 2 mặt lõm đều (biconvex), Góc cẳng $\geq 5^\circ$, Chất liệu: Hydrophobic Acrylic, Phạm vi diop: từ 10D đến 35D, Loại kính đa tiêu cự: diop cộng thêm 2.5D / 3.00D</p> <p>Hằng số đề nghị (SRK-T): ≥ 119.3 đo bằng siêu âm, ≥ 119.7 đo bằng laser. Độ sâu tiền phòng đề nghị (ACD): ≥ 5.77mm khi đo bằng siêu âm, 6.03mm khi đo bằng laser, Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.54, Phương pháp vô khuẩn: Ethylene oxide, có thể đặt qua vết mổ 2.0mm. Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FSC.</p>	Máy phẫu thuật Phaco. Xuất xứ thiết bị: G7.	G7	Cái	20	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
				<p>Thủy tinh thể mềm, đơn tiêu, 1 mảnh, phi cầu tăng cường thị lực trung gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hydrophobic Acrylic (acrylic không ngâm nước) không có hiện tượng Glistering - Thủy tinh thể lọc tia UV - Càng dạng chữ C (C-loop), góc càng ≥ 1.5 độ - Thiết kế bờ: Bờ sau vuông 360 độ - Chiều dài tổng thể ≤ 13mm. - Đường kính optic ≤ 6mm; - Chỉ số khúc xạ ≥ 1.48; - Chỉ số PACD: 5.68 (Đo bằng giao thoa quang học và tính theo công thức Hoffer Q) - Phạm vi diop: từ +5.0 D đến +36.0 D (cách khoảng 0.5D). - Hằng số A tính theo công thức SRK/T: ≥ 118.9 (đo bằng giao thoa quang học) - Chỉ số ABBE: ≥ 57 - Dụng cụ đặt nhân qua vết mổ từ 2.0 – 2.2 mm - Hàng hoá đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485:2016; CE; CFS. - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ cartridge liền injector sử dụng một lần. 						
141	153	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo)	<p>Máy phẫu thuật Phaco. Xuất xứ thiết bị: G7.</p>	G7	Cái	200			
142	158	N06.04.051	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng toàn phần: 1. Chuôi khớp (Stem) - Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray) tăng kết cấu trên bề mặt kim loại - Góc cổ thân 135 độ (standard) - Đầu chuôi dạng Taper 12/14 (5°42'30") - Kích cỡ chuôi (Stem Size): từ 6.25mm đến 20mm (mỗi size tăng 1.25mm) - Chiều dài chuôi (Stem Length): 135, 140, 145, 150, 155 mm.</p> <p>2. Chôm xương đùi (Modular head) - Chất liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) - Đường kính đầu (head): 22; 26; 28; 32; 36; cổ dài (0); ± 3.5; +7; +10.5; +14; +17.5)mm; size S, M, L, XL, XXL, XXXL, XXXXL; cổ đầu 12/14</p> <p>3. Ó cối (Acetabular Press-fit Shell) - Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray) tăng kết cấu trên bề mặt kim loại - Kích cỡ từ 38mm đến 82mm; mỗi cỡ tăng 2mm; - Trên ó cối có 5 lỗ để bắt vít ó cối.</p> <p>- Vít ó cối: chất liệu hợp kim titanium TiAl64V, gắn ó cối với xương, đường kính 6.5mm; dài từ 25mm đến 50mm; mỗi bước tăng 5mm</p> <p>4. Lót ó cối (Inlay):- chất liệu vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen (UHMWPE); có góc chống trượt 20 độ- Đường kính trong: 22, 26, 28, 32, 36 mm; - Kích cỡ (size): 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.</p>		G7	Bộ	5		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
143	158	N06.04.051	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng toàn phần: '1. Chuôi khớp (Stem) - Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4 phủ TPS (Titan Plasma Spray) - Góc cổ thân 135 độ (standard) - Đầu chuôi dạng Taper 12/14 (5°42'30") - Kích cỡ chuôi (Stem Size): từ 6.25mm đến 20mm (mỗi size tăng 1.25mm) - Chiều dài chuôi (Stem Length): 135, 140, 145, 150, 155 mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi (Modular head) - Chất liệu gốm (Ceramic) - Đường kính đầu (head): 28; 32; 36; cổ dài (0, ±3.5, +7, +10.5, +14, +17.5)mm; size S, M, L, XL, XXL, XXXL, XXXXL; cổ đầu 12/ 14</p> <p>3. Ó cối (Acetabular Press-fit Shell) - Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray) - Kích cỡ từ 38mm đến 82mm; mỗi cỡ tăng 2mm; - Trên ó cối có 5 lỗ để bắt vít ó cối.</p> <p>- Vít ó cối: chất liệu hợp kim titanium TiAl64V gắn ó cối với xương, đường kính 6.5mm; dài từ 25mm đến 50mm; mỗi bước tăng 5mm</p> <p>4. Lót ó cối (Inlay) - vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen (UHMWPE) có gờ chống trượt 20 độ- Đường kính trong: 22, 26, 28, 32, 36 mm; - Kích cỡ (size): 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.</p>	G7	BỘ	5		
144	158	N06.04.051	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng toàn phần: '1. Chuôi: -Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày 155 ± 30 µm toàn phần, độ xốp ≤ 10%. Cấu tạo pure titanium implantan Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tờ ong 60% bề mặt 330 - 390µm tăng độ vận xoắn, góc cổ chuôi CCD 135 độ, cổ chuôi cỡ 12/14, cỡ chuôi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng chiều dài: 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm. Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chòm : Vật liệu implavit® CoCrMo với tỷ lệ Chromium: 26,5-30,0%, Molybdenum: 4,5-7,0%, Nickel: max. 1,0%, Iron: max. 1,0%, Carbon: max. 0,35%, Manganese: max. 1,0%, Silicium: max. 1,0%. Các cỡ 28mm (K(-3,5), M(0), L(+3,5), XL(+7)/ 32mm (K(-4), M(0), L(+4), XL(+7)/ 36mm (K(-4), M(0), L(+4), XL(+7) cổ đầu 12/14</p> <p>3. Ó cối: Vật liệu implantan®: TiAl6V4 với tỷ lệ Aluminium: 5,5-6,75%, Vanadium: 3,5-4,5%, Iron: max. 0,3%, Oxygen: max. 0,2%, Carbon: max. 0,08%, Nitrogen: max. 0,05%, Hydrogen: max 0,015% có phủ HA. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm với bước tăng 2mm. Có 3 lỗ vít ó cối, góc bắt vít ó cối lên tới 15°.</p> <p>4. Miếng lót ó cối: chất liệu polyethylene cao phân tử UHMWPE, -Đường kính trong/ngoài: các cỡ: 28/39-44-48-52mm, 32/44-48-52mm, 36/48-52. Chống trượt: 10 độ</p> <p>5. Vít ó cối: chất liệu TiAl6V4, các cỡ từ 15/20/25/30/35/40/45/50/55/60/65/70/75/80mm bước tăng 5mm, đường kính 6.5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.</p>	G7	BỘ	5		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
145	158	N06.04.051	Khớp hàng toàn phần các loại, các cỡ	<p>Khớp hàng toàn phần: 1. Chuôi: -Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày 155 ± 30 μm toàn phần, độ xốp ≤ 10%. Cấu tạo pure titanium implantan Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tổ ong 60% bề mặt 330 - 390μm tăng độ vận xoắn, góc cổ chuôi CCD 135 độ, cổ chuôi cỡ 12/14, cỡ chuôi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng chiều dài: 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm. Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chòm : Vật liệu implantivi® CoCrMo với tỷ lệ Chromium: 26,5-30,0%, Molybdenum: 4,5-7,0%, Nickel: max. 1,0%, Iron: max. 1,0%, Carbon: max. 0,35%, Manganese: max. 1,0%, Silicon: max. 1,0%. Các cỡ 32/36mm (K(-4), M(0), L(+4), XL(+7) cổ đầu 12/14</p> <p>3. Ó cối: Vật liệu implantan®: TiAl6V4 với tỷ lệ Aluminium: 5,5-6,75%, Vanadium: 3,5-4,5%, Iron: max. 0,3%, Oxygen: max. 0,2%, Carbon: max. 0,08%, Nitrogen: max. 0,05%, Hydrogen: max 0,015% có phủ HA. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm với bước tăng 2mm. Có 3 lỗ vít ở cối, góc bắt vít ở cối lên tới 15°.</p> <p>4. Miếng lót ở cối: -Chất liệu polyethylene cao phân tử siêu liên kết crosslinked UHMWPE tiết trùng bằng công nghệ gamma 75kGy. Đường kính trong/ngoài: các cỡ: 32/39-44-48-52mm, 36/44-48-52mm, Chồng trật: 10 độ</p> <p>5. Vít ở cối: chất liệu TiAl6V4, các cỡ từ 15/20/25/30/35/40/45/50/55/60/65/70/75/80mm bước tăng 5mm, đường kính 6,5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.</p>		G7	Bộ	5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
146	158	N06.04.051	Khớp háng toàn phân các loại, các cỡ	<p>Khớp háng toàn phần: 1. Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4 phủ cpTi đầu gân, góc cổ chuôi CCD 133, 138 độ, cổ chuôi cỡ 12/14, cỡ chuôi 6,25/7,5/8,75/10/11,25/12,5/13,75/15/17,5/20mm tương ứng chiều dài lần lượt là 132,1/134,6/137,1/139,6/142,1/144,6/147,1/149,6/154,6/159,6mm; Có các cỡ offset: 34.5/ 35.2/ 35.8/ 36.5/ 37.1/ 37.7/ 38.3/ 39/ 40.2/ 41.5mm; Độ dày lớp phủ 250 µm ± 50 µm, độ xốp 30 ± 10%.</p> <p>2. Chôm : Vật liệu implant@ CoCrMo với tỷ lệ Chromium: 26,5-30,0%, Molybdenum: 4,5-7,0%, Nickel: max. 1,0%, Iron: max. 1,0%, Carbon: max. 0,35%, Manganese: max. 1,0%, Silicon: max. 1,0%. Các cỡ 28mm (K(-3,5), M(0), L(+3,5), XL(+7)/ 32mm (K(-4), M(0), L(+4), XL(+7) cỡ đầu 12/14</p> <p>3.Lớp đệm: chất liệu polyethylene cao phân tử UHMWPE, đường kính trong 28/32mm, đường kính ngoài 39/44/48/52mm. Thiết kế nghiêng 10 độ chống trật.</p> <p>4. Ó cối: Cấu tạo bằng titanium (TiAl6V4) công nghệ phủ Titan thuần. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm với bước tăng 2mm. Có 3 lỗ vít ở cối, góc bắt vít ở cối lên tới 15°.</p> <p>5. Vít ổ cối: chất liệu TiAl6V4, các cỡ từ 15/20/25/30/35/40/45/50/55/60/65/70/75/80mm bước tăng 5mm, đường kính 6.5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.</p>		G7	Bộ	5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
147	158	N06.04.051	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng toàn phần: 1. Cuống xương đùi (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V theo tiêu chuẩn ISO5832-3, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium và Calcium Hydroxyapatite (HA), thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. + Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. + Chiều dài: 110mm, 115mm, 130mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 165mm, 170mm, 180mm, 190mm. + Góc cổ chươi: phở biến ở hai góc độ 135° hoặc 128°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi. <p>2. Đầu xương đùi (Head):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vật liệu: Co-Cr theo tiêu chuẩn ISO 5832-12, kích thước 32mm (-4, +0, +4, +8); 36mm (-4, +0, +4, +8). <p>3. Ổ cối (Cup):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V theo tiêu chuẩn ISO5832-3, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400µm - 600µm) và Calcium HydroxyApatite (HA) 80µm cho độ nhám cao, ổ cối được thiết kế cao hơn lớp đệm 2.6mm nhằm ngăn ngừa sự va chạm giữa cổ chươi và vành lớp đệm. + Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°. + Kích cỡ: từ 46-62mm. <p>4. Lớp đệm (Insert) :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu: Polyethylene được trộn với 0.1% Vitamine E theo công nghệ Highly Crosslinked. + Mặt vát 20° của lớp đệm hạn chế sự va chạm cổ xương đùi. + Cổ đỉnh lớp đệm bằng 10 mẫu chống xoay gắn vào vành của ổ cối. + Kích thước của lớp đệm phở biến cho các đầu xương đùi 32mm và 36mm. <p>5. Vít ổ cối (Screw):</p> <ul style="list-style-type: none"> Chất liệu titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài vít 20-50mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC. 		G7	Bộ	10	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
148	158	N06.04.051	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng toàn phần: Cường khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V phủ HA, phủ Ti-plasma 180 micron, tiêu chuẩn ISO5832-2, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuôi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuôi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viên cổ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chôm khớp chất liệu Oxinium chứa 97.5% zirconium và 2.5% niobium, được xử lý nhiệt độ cao và ô xi hoá, tạo thành vật liệu với bề mặt sù dày 5 micron trên lõi kim loại. kích thước 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8) • Ố cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt • Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viên bổ sung 4mm bên ngoài. • Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA. 		G7/Châu Âu/Châu Á	Bộ	10	
149	158	N06.04.051	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng toàn phần: Cường khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V phủ HA, phủ Ti-plasma 180 micron, tiêu chuẩn ISO5832-2, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuôi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuôi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viên cổ</p> <p>Chôm khớp phủ hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22mm (+0, +4, +8, +12), 26mm (+0, +4, +8, +12), 28mm, 32mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16), 36 mm (-3, +0, +4, +8)</p> <p>Ố cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viên bổ sung 4mm bên ngoài. • Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA. 		G7/Châu Âu/Châu Á	Bộ	10	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
150	158	N06.04.052	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng bán phần: 1. Chuôi khớp (Stem) - Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray) - Góc cổ thân 135 độ (standard) - Đầu chuôi dạng Taper 12/ 14 (5°42'30") - Kích cỡ chuôi (Stem Size): từ 6.25mm đến 20mm (mỗi size tăng 1.25mm) - Chiều dài chuôi (Stem Length): 135, 140, 145, 150, 155 mm.</p> <p>2. Chỏm xương đùi (Modular head) - Chất liệu : Cobalt-Chrome (CoCr) - Đường kính đầu (head): 22; 26; 28; 32; 36; cổ dài (0, ±3.5, +7, +10.5, +14, +17.5)mm; size S, M, L, XL, XXL, XXXL, XXXXL; cổ đầu 12/14</p> <p>3. Đầu Bipolar - Bên ngoài thép không gỉ có hàm lượng Nitơ cao; bên trong vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen - Đường kính trong: 22; 28mm - Đường kính ngoài: từ 38mm đến 58mm (mỗi cỡ tăng 2mm). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.</p>		G7	Bộ	5	
151	158	N06.04.052	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng bán phần: 1. Chuôi:</p> <p>-Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày 155 ± 30 μm toàn phần, độ xốp ≤ 10%. Cấu tạo pure titanium implantan Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tổ ong 60% bề mặt 330 - 390μm tăng độ bền xoắn, góc cổ chuôi CCD 135 độ, cổ chuôi cỡ 12/14, cỡ chuôi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng chiều dài: 114.5mm/129.5mm/139.4mm/144.4mm/149.4mm/154.3mm/159.4mm/164.4mm/169.4mm/179.4mm/189.4mm. Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chỏm : Vật liệu implant@ CoCrMo với tỷ lệ Chromium: 26.5-30,0%, Molybdenum: 4.5-7,0%, Nickel: max. 1,0%, Iron: max. 1,0%, Carbon: max. 0.35%, Manganese: max. 1,0%, Silicon: max. 1,0%. Các cỡ 28mm (K(-3,-5), M(0), L(+3,-5), XL(+7)/ 32mm (K(-4), M(0), L(+4), XL(+7)/ 36mm (K(-4), M(0), L(+4), XL(+7) cổ đầu 12/14</p> <p>3. Chỏm lưỡng cực:</p> <p>Chất liệu bằng CoCrMo ISO 5832-4, bên trong lớp phủ PE và vòng khóa PE bằng nhựa UHMWPE ISO 5834-2, đường kính ngoài từ 38-62mm, bước tăng 2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.</p> <p>Khớp háng bán phần: 1. Cuống xương đùi (Stem): có 7 kích cỡ 1-7, chiều dài từ 182mm đến 212mm, bước nhảy 5mm, đường kính đầu xa Ø8 với size 1, 2; Ø10 với size 3, 4, 5; Ø11 với size 6, 7.</p> <p>- Thân chuôi hình bầu dục.</p> <p>- Thân chuôi có rãnh dọc tăng bề mặt tiếp xúc xương.</p> <p>- Vật liệu: anodized TA6V, phủ 80μm Hydroxyapatite toàn thân (HAP)</p> <p>- Góc cổ chuôi (Neck Angle) : 135 độ, taper 10/12.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Femoral head) :</p> <p>- Chất liệu : hợp kim M30NW kích cỡ 22.2mm, 28mm.</p> <p>3. Chỏm xương đùi + lớp đệm polyethylene UHMWPE kèm khóa chống trật đầu xương đùi, với các size: 40mm, 42mm, 44mm, 46mm, 48mm, 50mm, 52mm, 54mm, 56mm, 58mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC.</p>		G7	Bộ	5	
152	158	N06.04.052	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ			G7	Bộ	10	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
153	158	N06.04.052	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng bán phần: Cường khớp dài 190 240 300mm, đầu côn 12/14. Có dạng hình thang tròn. Hai tùy chọn có: Standard Offset (131 độ), High Offset (125 độ) Chuôi hình thon chất liệu Titanium.</p> <p>Chờm lưỡng cực có lót, đường kính trong 22 và 28mm, đường kính ngoài từ 38 đến 55 mm (bước tăng 1), chất liệu Cobalt Chrome/UHMWPE. Độ dày lớp polyethylene tối thiểu 5mm. Phạm vi chuyển động 82 độ với cỡ +0 và 88 độ với cỡ -3.</p> <p>Chờm khớp phù hợp cỡ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22mm (+0, +4, +8, +12); 26mm (+0, +4, +8, +12); 28mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16); 36 mm (-3, +0, +4, +8). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.</p>		G7/Châu Âu/Châu Á	Bộ	5	
154	158	N06.04.052	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	<p>Khớp háng bán phần: • Chuôi khớp chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, chiều dài từ 120 mm đến 180 mm, góc cổ chuôi 131 độ. Chuôi thuôn 3 độ từ đầu gần tới đầu xa. Mặt cắt hình nón rộng từ 8mm-18mm. Bề rộng trong ngoài từ 27mm-38mm, bề rộng trước sau từ 12mm đến 23mm.</p> <p>Chờm lưỡng cực có lót, đường kính trong 22 và 28mm, đường kính ngoài từ 38 đến 55 mm (bước tăng 1), chất liệu Cobalt Chrome/UHMWPE. Độ dày lớp polyethylene tối thiểu 5mm. Phạm vi chuyển động 82 độ với cỡ +0 và 88 độ với cỡ -3.</p> <p>Chờm khớp phù hợp cỡ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22mm (+0, +4, +8, +12); 26mm (+0, +4, +8, +12); 28mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16); 36 mm (-3, +0, +4, +8). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.</p>		G7/Châu Âu/Châu Á	Bộ	10	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
155	158	N06.04.053	Khớp gối các loại, các cỡ	<p>Khớp gối toàn phần: chất liệu Cobalt-Chrome, có 9 kích cỡ, từ 0 đến 8, được thiết kế cho gối trái và phải, được phủ 2 lớp Plasma sprayed titanium (80µm) và HAP (80µm).</p> <p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr). - Lõi cầu gồm 9 kích cỡ phải và trái. - Mặt cong đơn từ 0 độ tới 100 độ, mặt cắt phía trước nghiêng 6 độ. - Độ rộng lõi cầu đùi tăng đều 2mm cho các kích cỡ từ 0 đến 4 và tăng đều 3.2mm cho các kích cỡ từ 4 đến 8. - Độ cao lõi cầu đùi tăng đều 2.6mm giữa các kích cỡ. <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplate):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được thiết kế dùng chung cho gối trái và gối phải. - Kiểu Fixed-Bearing, ổn định phía sau. <p>- Vật liệu: Cobalt Chrome có phủ plasma titanium 80µm.</p> <p>3. Lớp đệm (Tibial Insert)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: UHMW Polyethylene. - Có 6 độ dày: (từ 10 đến 20mm) <p>4. Bánh chệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: UHMW Polyethylene. - Thiết kế: gồm 2 dạng (Inset và Onset). - Kích cỡ: 23mm, 26mm, 29mm cho Inset - Kích cỡ: 30mm, 33mm, 36mm cho Onset <p>5. Xi măng chính hãng có kháng sinh Gentamycine. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC.</p>		G7	Bộ	10	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
156	158	N06.04.053	Khớp gối các loại, các cỡ	<p>Khớp gối nhân tạo toàn phần có xi măng phương pháp hi sinh dây chằng chéo sau (Posterior Stabilized Box Design) Thiết kế hộp ổn định lõi sau, bao gồm các chi tiết sau:</p> <p>1. Lõi cầu xương đùi (Femoral Components) chất liệu Oxidized Zirconium có cỡ tiêu chuẩn và cỡ hẹp 1 N, 2N, 3N, 3, 4N, 4, 5N, 5, 6N, 6, 7, 8, trong đó cỡ N (narrow) hẹp hơn 2mm môi bên theo chiều trong ngoài so với cỡ tiêu chuẩn. Mặt trước nghiêng 3 độ. Chiều trước sau các cỡ tương ứng: 47, 51, 54, 58, 61, 65, 70, 75mm. Lõi cầu sau có bề dày bằng nhau (9.5mm)</p> <p>2. Mâm chày (Tibial tray) với 8 kích cỡ: size 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Thiết kế bắt đối xứng, phần biệt chân trái/phải. Chuôi được dịch vào trong thẳng hàng với ống tủy. Chất liệu hợp kim titan 6Al-4V tiêu chuẩn ISO 5832/3)</p> <p>Đĩa đệm mâm chày (Articular Insert) với 4 kích cỡ: size 1-2, 3-4, 5-6, 7-8. Mỗi size có các độ dày sau: 9, 11, 13, 15, 18 mm. Chất liệu UHMWPE</p> <p>Bánh chè (Patella) với đường kính: 23, 26, 29, 32, 35mm; độ dày 9mm, 13mm tính cả chiều cao chót</p> <p>Xi măng sinh học Palacos không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44.0g bột có chứa 38.3g Poly-(methacrylate, methyl methacrylate), 5.3g zirconium dioxide, 0.4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII.</p> <p>Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18.4g Methelmethacrylate, 0.4g N, N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141) đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu trường. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.</p>		G7/Châu Âu/Châu Á	Bộ	10	
157	158	N06.04.053	Khớp gối các loại, các cỡ	<p>Khớp gối nhân tạo toàn phần: Lõi cầu xương đùi (Femoral Condyle) chất liệu CoCr với các cỡ 1 N, 2N, 3N, 3, 4N, 4, 5N, 5, 6N, 6, 7, 8, trong đó cỡ N (narrow) hẹp hơn 2mm môi bên theo chiều trong ngoài so với cỡ tiêu chuẩn. Mặt trước nghiêng 3 độ. Chiều trước sau các cỡ tương ứng: 47, 51, 54, 58, 61, 65, 70, 75mm. Lõi cầu sau có bề dày bằng nhau (9.5mm)</p> <p>Mâm chày (Tibial tray) Chất liệu titanium với 6 kích cỡ riêng biệt trái, phải: 1, 2, 3, 4, 5, 6. Chiều trước sau các cỡ: 42, 45, 48, 50, 52, 54, 56, 59mm. Chiều trong ngoài: 60, 64, 68, 71, 74, 81, 85mm. Bề dày 2.3mm, độ dốc 3 độ</p> <p>Đĩa đệm mâm chày (Articular Insert) với 4 kích cỡ: size 1-2, 3-4, 5-6, 7-8. Mỗi size có các độ dày sau: 9, 11, 13, 15, 18 mm. Chất liệu UHMWPE</p> <p>Bánh chè (Patella) với đường kính: 23, 26, 29, 32, 35mm; độ dày 9mm, 13mm tính cả chiều cao chót</p> <p>Xi măng sinh học không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44.0g bột có chứa 38.3g Poly-(methacrylate, methyl methacrylate), 5.3g zirconium dioxide, 0.4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII.</p> <p>Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18.4g Methelmethacrylate, 0.4g N, N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141) đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu trường. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.</p>		G7/Châu Âu/Châu Á	Bộ	10	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
158	164	N06.05.020	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	Mảnh ghép Polypropylene sọc xanh loại nhẹ 10 x15cm, kích thước lỗ 1mm, khối lượng 36g/m ² , dày 0.39mm. Tiêu chuẩn EC, ISO.		Châu Âu	Miếng	80		
159	194	N07.01.200	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản dùng một lần các loại, các cỡ	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản gồm: - 01 Tay quay: ngả bom tưới rửa, tự động bảo hiệu khi bung vòng thắt, chế độ mở/ khóa, adapter với ống nội soi Olympus. - 01 Đầu thắt gồm 6 vòng thun được lắp sẵn vào 1 đầu chất liệu silicone mềm trong suốt. Chất liệu vòng thun: cao su laxtex Số vòng: 6 vòng (5 màu đen + 1 màu trắng) Dây dẫn: 01 sợi - lắp theo 1 chiều Cầu trục dây kéo: 01 sợi có nắp dây, dài 155cm. Trường nhìn chính xác 100% Lực tác động ống soi ít có ngã bom rửa to giúp sạch máu và chất nhờn. Đường kính ống soi tương thích: 9.5-11mm. Tiêu chuẩn CE, ISO		Châu Á	Cái	50		
160	196	N07.01.220	Bơm áp lực các loại, các cỡ	Bộ xilanh 190ml dùng cho máy bơm thuốc cân quang 2 nồng Imaxeon Salient. Bộ đóng gói gồm: 2 bơm tiêm 190ml bằng chất liệu PET trong suốt có piston bằng PP trong suốt với đầu bọc cao su tổng hợp màu đen, 1 đầu chuyển Spike dài và 1 đầu chuyển Spike ngắn bằng nhựa ABS, 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE, 1 dây nối CT áp lực cao chữ T bằng PVC và PC dài 260cm có đường kính trong 1.9mm và đường kính ngoài 3.35mm với van một chiều. Chịu áp lực cao 350psi, luer lock, nắp thuốc bằng ống hút nhanh, không chứa DEHP. Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm, có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được môi thuốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA. Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O.		Châu Á	Cái	400		
161	199	N07.01.250	Dây bơm áp lực cao, dây bơm cân quang áp lực cao các loại, các cỡ	Dây nối áp lực cao 350psi chữ Y bằng PVC trong suốt dài 150cm với 2 đầu kết nối bằng PC có nắp bảo vệ bằng PP màu cam, có 2 van một chiều, không chứa DEHP, dùng cho máy bơm tiêm cân quang CT. Dây nối có đường kính trong và ngoài lần lượt là 1,9mm và 3,35mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA. Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE; FDA.		Châu Á	Cái	500		
162	199	N07.01.250	Dây bơm áp lực cao, dây bơm cân quang áp lực cao các loại, các cỡ	Dây nối sử dụng trong bơm tiêm thuốc cân quang, có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong 3 mm, đường kính ngoài 4,1 mm, có khóa chặn dòng, không độc tố. Độ dài của dây nối các cỡ 30, 75cm, 140cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016 (TUV)ISO 9001:2015		Việt Nam	Cái	500		
163	201	N07.01.270	Dây dẫn đường (guide wire) các loại, các cỡ	Dây dẫn đường dùng trong phẫu thuật tiết niệu: Lối Nitinol chịu xoắn, vỏ PTFE linh hoạt thiết kế với khả năng xoắn, sọc đen và trắng được thiết kế để theo dõi trực quan chuyển động của dây rỗng ràng Các cỡ: 0.032-0.035 inch, dài 150cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, FDA.		G7	Cái	30		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
164	223	N07.01.500	Phim X- quang các loại, các cỡ	Phim X-quang nha thường quy có độ tương phản cao, tốc độ cao "E" cho độ nhạy tối đa - Phim được xử lý với hóa chất rửa phim X-quang và hoàn toàn xử lý trong điều kiện có phòng tối. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Công nghệ in phim nhiệt Kỹ thuật số trực tiếp DDI. Kích thước 20cm x 25cm. - Độ đậm quang học: $\leq 0.25 - \geq 3.2$ - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate dày 168 μm , tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m ² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.		Châu Âu	Tám	6,000	
165	223	N07.01.500	Phim X- quang các loại, các cỡ	Phim X-quang khô laser 20cm x 25cm (8 x 10 inch). Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET) Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-1% Được dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro/Model 832, 873. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC. Phim X-quang Khô laser 35cm x 43cm (14 x 17 inch): - Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET) - Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-1% - Được dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro/Model 832, 873. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC. Qua lọc thận nhân tạo: * Diện tích màng: 1,6m ² * Chất liệu màng: Polyethersulfone * KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc) : 21 * Thể tích mỗi: 86 ml - Độ dày màng (μm): 35 - Đường kính trong (μm): 200 - Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 600 - Qb = 300 ml/phút, Qd = 500 ml/phút, độ thanh thải (ml/phút): Ure: 255, Creatinine: 242, Phosphate: 206, Vitamin B12: 142 - Tiệt trùng: Tia Gamma. - Tiêu chuẩn: ISO 13485: EC		Châu Âu	Tám	80,000	
166	223	N07.01.500	Phim X- quang các loại, các cỡ	Phim X-quang khô laser 20cm x 25cm (8 x 10 inch). Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET) Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-1% Được dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro/Model 832, 873. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC. Phim X-quang Khô laser 35cm x 43cm (14 x 17 inch): - Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET) - Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-1% - Được dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro/Model 832, 873. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC. Qua lọc thận nhân tạo: * Diện tích màng: 1,6m ² * Chất liệu màng: Polyethersulfone * KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc) : 21 * Thể tích mỗi: 86 ml - Độ dày màng (μm): 35 - Đường kính trong (μm): 200 - Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 600 - Qb = 300 ml/phút, Qd = 500 ml/phút, độ thanh thải (ml/phút): Ure: 255, Creatinine: 242, Phosphate: 206, Vitamin B12: 142 - Tiệt trùng: Tia Gamma. - Tiêu chuẩn: ISO 13485: EC		G7	Tám	20,000	
167	223	N07.01.500	Phim X- quang các loại, các cỡ	Phim X-quang khô laser 20cm x 25cm (8 x 10 inch). Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET) Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-1% Được dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro/Model 832, 873. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC. Phim X-quang Khô laser 35cm x 43cm (14 x 17 inch): - Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET) - Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-1% - Được dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro/Model 832, 873. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC. Qua lọc thận nhân tạo: * Diện tích màng: 1,6m ² * Chất liệu màng: Polyethersulfone * KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc) : 21 * Thể tích mỗi: 86 ml - Độ dày màng (μm): 35 - Đường kính trong (μm): 200 - Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 600 - Qb = 300 ml/phút, Qd = 500 ml/phút, độ thanh thải (ml/phút): Ure: 255, Creatinine: 242, Phosphate: 206, Vitamin B12: 142 - Tiệt trùng: Tia Gamma. - Tiêu chuẩn: ISO 13485: EC		G7	Tám	8,000	
168	231	N07.02.080	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Phim X-quang khô laser 20cm x 25cm (8 x 10 inch). Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET) Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-1% Được dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro/Model 832, 873. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC. Phim X-quang Khô laser 35cm x 43cm (14 x 17 inch): - Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET) - Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-1% - Được dùng cho máy in kỹ thuật số Drypro/Model 832, 873. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC. Qua lọc thận nhân tạo: * Diện tích màng: 1,6m ² * Chất liệu màng: Polyethersulfone * KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc) : 21 * Thể tích mỗi: 86 ml - Độ dày màng (μm): 35 - Đường kính trong (μm): 200 - Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 600 - Qb = 300 ml/phút, Qd = 500 ml/phút, độ thanh thải (ml/phút): Ure: 255, Creatinine: 242, Phosphate: 206, Vitamin B12: 142 - Tiệt trùng: Tia Gamma. - Tiêu chuẩn: ISO 13485: EC		Châu Âu	Cái	1,200	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
169	231	N07.02.080	Quả lọc thân nhân tạo các loại, các cỡ	Quả lọc thân nhân tạo: Diện tích màng 2,2m ² . Chất liệu màng Polysulfone, chất liệu vỏ quả lọc Polypropylen, chất liệu đầu quả lọc Polyurethane. Tác dụng tạo dịch lọc máu siêu sạch (nội độc tố <0.03 EU/mL, các vi sinh vật ô nhiễm <0.1 CFU/mL), ONLINE tạo dịch bù cho phương pháp HF và HDF Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC		G7	Cái	30	
170	235	N07.03.040	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	Chất nhầy Sodium Hyaluronate 1.8%: Trọng lượng phân tử: 2.9-3.8 million daltons, Độ nhớt: 450.000-750.000 mPa.s, Độ thẩm thấu: 270-400 mOsm/Kg, Độ Ph: 6.8-7.6, Sodium hyaluronate: 18 mg, Sodium Chloride: 8.5 mg, Disodium Hydrogen Phosphate : 0.563 mg, Sodium dihydrogen phosphate: 0.045 mg, Nước pha tiêm vừa đủ, Ống 1.5ml. Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE.		Châu Âu	Ống	50	
171	235	N07.03.040	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	Chất nhầy Hydroxypropyl methylcellulose 2% (HPMC 2%): - Hydroxypropyl methylcellulose: 2%, Sodium Chloride: 0.490%, Potassium Chloride: 0.075%, Calcium Chloride: 0.048%, Magnesium Chloride, exahydrate: 0.030%, Sodium Acetate Trihydrate: 0.39%, Sodium Citrate Dihydrate: 0.170%, - Nước cất pha tiêm vừa đủ, Trọng lượng phân tử: 100.000 dalton, Độ Ph: 6.0-7.8, - Độ nhớt: 6.000 ± 1.000 cst, Độ thẩm thấu: 285 ± 15 mOsm/Kg, Lọ 5ml được đóng gói vô trùng. Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE.		Châu Á	Lọ/Ống	300	
172	236	N07.03.050	Chất nhuộm màu dùng trong phẫu thuật mắt các loại	Thuốc nhuộm bao Trypan Blue 0.06%, Lọ 1ml. Dung dịch màu xanh chứa trong lọ thủy tinh, tiệt trùng		Châu Âu	Lọ/Ống	30	
173	261	N07.04.040	Dụng cụ, máy khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo các loại, các cỡ (bao gồm cả vòng, băng ghim khâu kèm theo)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu: chất liệu kim bằng hợp kim Titanium 2. Thông số kỹ thuật: Cỡ 33 mm và 34 mm - Đường kính lòng cắt 26 mm, 34 ghim, số lượng ghim tương ứng với đường kính ngoài là ± 1. - Chiều cao ghim mở 3,8 mm, chiều cao ghim đóng 1,5 mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dụng cụ mở trĩ theo phương pháp Longo: - Đầu đe không tháo rời, buồng chứa dịch trong suốt, thiết kế an toàn kép trước khi bắn. - Tùy chọn ống nông hình tròn và ống nông hình cánh bướm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE và FDA 		Châu Á	Bộ	120	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
174	262	N07.04.050	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ)	<p>*Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gập góc 45° liên tục không khác mỗi bên, hai bên tổng 90°. Có nút xoay 360°. - Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng: Sử dụng được 25 băng đạn trong một ca phẫu thuật. - Thao tác kẹp mô linh hoạt, đóng hàm băng đạn bằng cách bóp cò và mở hàm băng đạn bằng cách gạt ngược cò súng. - Thiết kế thuận tiện cho việc sử dụng (ergonomic design). - Dụng cụ tích hợp được với tất cả các loại băng đạn nội soi cùng hãng sản xuất. 	Châu Á	Bộ	30		
175	263	N07.04.060	Lọng cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, ruột non, trực tràng, đại tràng) các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn ISO, CE và FDA - Lọng cắt polyp: Dung cắt Polyp - Dây bên, đường kính ngoài của dây: 0,0165 inch - Dây thiết kế thông minh: bám khi polyp và dễ điều khiển - Hình dạng: hình tròn - Cấu trúc: cắt nóng hoặc cắt lạnh - Đường kính 10-15-25mm. 	Châu Mỹ	Cái	50		
176	263	N07.04.060	Lọng cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, ruột non, trực tràng, đại tràng) các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Lọng thắt Polyp tay cầm lắp sẵn : Được sử dụng để điều trị nội soi thông đường tiêu hóa, hỗ trợ ESD/EMR, kiểm soát chảy máu và thắt polyp. - Độ mở loop từ 30mm. - Chiều dài dây dẫn 2300mm - Đường kính dây dẫn 2.1mm, tương thích với đường kính kênh sinh thiết ống soi tối thiểu 2,8mm - Tiêu chuẩn ISO 13485 	Châu Á	Cái	10		
177	266	N07.04.100	Rọ, bóng lấy sỏi, dị vật, polyp, bệnh phẩm các loại, các cỡ	Rọ lấy sỏi trong phẫu thuật tiết niệu: Thiết kế vỏ bọc có độ ma sát thấp, chất liệu Nitonol đàn hồi cao, đầu xoắn ốc 4 nhánh có tay cầm Chiều dài: 90cm, cỡ 3.0Fr. Đạt tiêu chuẩn ISO, FDA.	G7	Cái	30		
178	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> * Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vít chặn titanium và vòng dây sọc vân giúp cài thiện khả năng quan sát khi phẫu thuật. Thiết kế khóa 3 điểm giúp cho việc cấy ghép thay thế dễ dàng. - Một cỡ vừa với mọi trường hợp. Vòng dây có thể tự điều chỉnh chiều dài từ 15 tới 60mm. Lực kéo đạt lên tới 900N. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA 	G7	Cái	30		
179	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> * Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu chất liệu PLA 100% hoặc chất liệu PLA 70% + Beta Tri calcium phosphate 30%, đường kính 6 đến 11 mm và chiều dài 24mm, 30mm, 35 mm, thiết kế dạng vát và đầu dạng tròn. Tiết trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS 	G7	Cái	60		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
180	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	- Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vòng dây có thể điều chỉnh chiều dài và vít chặn. Phần nút chặn chất liệu titanium (TA6V ELI) kích thước 12mm. Phần vòng dây có thể điều chỉnh chiều dài chất liệu UHMWPE (chiều dài nhỏ nhất vòng dây là 15mm). Phần dây kéo và dây lật màu xanh và trắng có chất liệu Polyethylene terephthalate. Độ giãn tối đa là 1.43mm. Lực tải tối đa là 1844N. Vít dây chằng được đóng gói 2 lớp và tiệt trùng bởi ethylene oxide. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS		G7	Cải	40	
181	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít cổ định dây chằng chéo tự tiêu sinh học: * Loại tự tiêu chất liệu PLA 100%, đường kính 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm và chiều dài 20, 24, 30, 35mm. Đầu Flat-head. Lõi vít thiết kế hình tam giác sử dụng với tournevis 3 cạnh. Tiệt trùng. * Tiêu chuẩn ISO/CE/CFS		G7	Cải	30	
182	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	- Vít chốt neo cổ định dây chằng chéo, bao gồm: 1 nút titan (ISO 5832-3), 1 vòng polyethylene terephthalate (PET), 2 sợi kéo terephthalate polyethylene (xanh lá cây và trắng) nút có 4 lỗ, bo tròn 2 đầu, rộng 4,0mm, dài 12mm, độ dày 1,5mm dây treo 15, 20, 25, 30, 35, 40 mm. Sản phẩm được cung cấp trong một gói vô dôi và tiệt trùng Gamma - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS		G7	Cải	30	
183	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh Kirschner hai đầu nhọn: "Đường kính: 1.0 - 3.0mm; 2 đầu nhọn. Dài 100 - 290mm; Đạt ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138		Châu Âu	Cải	H00	
184	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa xương cánh tay: Rộng 12mm; dày 3,6mm; Số lỗ: 4 - 14 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V, tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất Normmed: + Vít khóa Ø 3,5 mm + Vít cứng Ø 3,5 mm + Vít khóa xóp Ø 3,5 mm + Vít xóp Ø 4,0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cải	20	
185	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa nén ép bán hợp: Rộng 14mm; dày 4,9mm; Số lỗ 4 - 20 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất Normmed: + Vít khóa Ø 5,0 mm + Vít cứng Ø 4,5 mm + Vít khóa xóp Ø 5,0mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cải	17	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
186	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa nén ép bán rộng: Rộng 17.6mm; dày 5.6mm; Số lỗ 4 - 20 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất Normmed: + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	10	
187	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa Mini thẳng: - Nẹp dày 1.0 mm; nẹp rộng 4.6mm; dài 34.6mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO13485; CE Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136		Châu Âu	Cái	5	
188	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa chữ L: - Nẹp dày 1.3 mm; nẹp rộng 9.6mm; dài 28.6mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO13485; CE Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136		Châu Âu	Cái	5	
189	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa chữ T: - Nẹp dày 1.3 mm; nẹp rộng 12.6mm; dài 22.6mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO13485; CE Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136		Châu Âu	Cái	15	
190	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới mặt ngoài xương cánh tay: Rộng 11mm; dày 3.2mm, Số lỗ: 3 - 13 lỗ trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 2.7 mm + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	5	
191	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới mặt ngoài xương cánh tay: Rộng 11mm; dày 3.2mm, Số lỗ: 3 - 13 lỗ trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 2.7 mm + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
192	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới xương chày: Rộng 11.5mm; dày 3.7mm; Số lỗ: 4 - 16 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	15	
193	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi: Rộng 16.2mm; dày 5.5mm; Số lỗ: 4 - 15 lỗ trái/phải, dài từ 141mm - 361mm. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	10	
194	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa Titan đầu dưới mắt bên xương mác: Rộng 10.5mm; dày 3mm; Số lỗ 4 - 14 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + vít khóa xóp Ø 3.5 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	15	
195	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới xương quay bàn tay (7 lỗ đầu): Rộng 9mm; dày 2.5mm; Số lỗ 2 - 10 lỗ trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 2.4 mm + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + vít xóp Ø 4.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	15	
196	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay: Rộng 11.8mm; dày 3.2mm; đầu 9 lỗ vít. Số lỗ 3 - 14 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	15	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
197	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu trên mặt ngoài xương chày (bán rộng): Rộng 15.5mm, dày 4.5mm; Số lỗ: 4 - 13 lỗ trái/phải, dài từ 125mm - 305mm. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	20	
198	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp hình chữ L: Rộng 16mm, dày 3mm; Số lỗ: 4 - 10 lỗ, trái/phải, dài từ 90mm - 186mm. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	5	
199	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp hình chữ T: Rộng 16mm, dày 3mm; Số lỗ: 4 - 10 lỗ, trái/phải, dài từ 88mm - 184mm. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	5	
200	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa đầu trên xương đùi: Rộng 17.3mm; dày 5.4mm. Số lỗ 4 - 15 lỗ, trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 5.0 mm + vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm		Châu Âu	Cái	15	
201	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa tái tạo (mắt xích): Rộng 10mm; dày 3mm. Số lỗ: 4 - 20 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	20	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
202	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lờng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa tái tạo (mắt xích): Rộng 11mm; dày 3.2mm. Số lỗ: 3 - 7 lỗ, trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + vít xóp Ø 4.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cải	20	
203	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lờng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa nén ép bán nhỏ: Rộng 10mm; dày 3mm; Số lỗ: 4 - 12 lỗ. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cải	30	
204	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lờng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp khóa xương đôn chữ S: Rộng 10.4mm; dày 3.2mm. Số lỗ 4 - 10 lỗ, trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cải	40	
205	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lờng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp: Rộng 10mm; dày 3.2mm. Số lỗ 3 - 10 lỗ. trái/phải. Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 - dùng kết hợp đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất + vít khóa Ø 2.7 mm + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cải	10	
206	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lờng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xương cứng (Ti) đường kính 3.5 mm: Đường kính 3.5mm tự taro; chiều dài từ 10-40mm bước tăng 2mm; từ 40-70mm bước tăng 5mm. - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cải	200	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
207	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít xương cứng (Ti) đường kính 4.5mm: Đường kính 4.5mm tự taro; chiều dài từ 14-60mm bước tăng 2mm; từ 60-110mm bước tăng 5mm. - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	120	
208	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít khóa (Ti) tự taro đường kính 2.0mm: Đường kính 2.0mm, tự taro, dài 8-34mm với mỗi bước tăng 2mm, toàn ren (full Thread).- Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136. Đạt ISO 13485, CE.		Châu Âu	Cái	60	
209	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít khóa (Ti) đường kính 2.7mm: Đường kính 2.7mm, tự taro; dài 10-40mm với mỗi bước tăng 2mm, 40-60mm với mỗi bước tăng 5mm, toàn ren (full Thread) - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	50	
210	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít khóa (Ti) đường kính 3.5 mm: Đường kính 3.5mm, tự taro; chiều dài từ 10-50mm bước tăng 2mm; từ 50-70mm bước tăng 5mm. - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	600	
211	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít khóa (Ti) đường kính 5.0mm: Đường kính 5.0mm, tự taro; chiều dài từ 14-50mm bước tăng 2mm; từ 50-110mm bước tăng 5mm. - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	600	
212	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít: Đường kính 3.5mm; chiều dài từ 14-50mm bước tăng 2mm; từ 50-70mm bước tăng 5mm, ren toàn phần - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	50	
213	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít: Đường kính 5.0mm; chiều dài từ 30-120mm bước tăng 5mm, ren toàn phần - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 Đạt ISO 13485, CE		Châu Âu	Cái	50	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
214	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp mặt thẳng 4 lỗ cho vít 2.0mm; chất liệu Titanium. Đạt ISO 13485, CE, FDA.		Nhật Bản/Hàn Quốc/Singapore	Cái	10	
215	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp mặt thẳng 8 lỗ cho vít 2.0mm; chất liệu Titanium. Đạt ISO 13485, CE, FDA.		Nhật Bản/Hàn Quốc/Singapore	Cái	10	
216	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp mặt thẳng 16 lỗ cho vít 2.0mm; chất liệu Titanium. Đạt ISO 13485, CE, FDA.		Nhật Bản/Hàn Quốc/Singapore	Cái	20	
217	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít mặt 2.0 mm, dài 6mm-17mm. Tự Taro; chất liệu hợp kim Titanium. Đạt ISO 13485, CE, FDA.		Nhật Bản/Hàn Quốc/Singapore	Cái	200	
218	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít chi khâu chóp xoay: Chất liệu: Peek - optima, đã tiệt trùng. Sử dụng trong khâu hàng ngoài chóp xoay khớp vai. Tay vận giới hạn mô men xoắn, dẫn bảo chốt bên trong khóa chi vào thân neo. Thiết kế neo đóng với ren hình ngạnh mọc ngang giúp chống bật neo và dễ đóng neo. Kích thước neo: 4.5mm và 5.5mm tương ứng đường kính 5.8mm và 6.7mm. Chiều dài bụng tương ứng 20.4mm và 20.8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		Châu Mỹ	Cái	5	
219	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít neo không buộc chi, vít 2.9mm, thân cán dài 6.3". Thiết kế chốt bên trong khóa chi. Chất liệu PEEK. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		Châu Mỹ	Cái	5	
220	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lòng dùm trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít chi neo tự tiêu: Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp <ul style="list-style-type: none"> Vít được kết nối sẵn với tay đóng. Chất liệu tự tiêu PLLA kết hợp HA, đã tiệt trùng Kèm hai sợi chi siêu bền Ultrabraid số 2, Đường kính 2.9 mm. Đường kính ngoài 3.7 mm, dài 11.5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA. 		Châu Mỹ	Cái	5	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
221	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít chỉ neo đôi tự tiêu: Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai. Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA. • Chất liệu PLLA - HA tự tiêu giúp tăng tốc độ liền xương, đã tiết trùng • Kèm hai hoặc ba sợi chỉ Ultrabraid số 2 • Đường kính 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm tương ứng chiều dài 18.7mm, 19.2mm, 19.2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		Châu Mỹ	Cái	5	
222	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít neo cố định dây chằng điều chỉnh được độ dài : - Kích thước: dài 12mm rộng 4mm dây 2mm; 8 lỗ - Chất liệu chốt: titanium - Chất liệu vòng treo: Ultrahigh Molecular Weight Polyethylene (UHMWPE). - Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ 10 – 105 mmm - Đường kính chỉ vòng loop: 1.5 mm - Dùng 1 sợi chỉ polyester số 2 duy nhất để kéo và kiểm tra chốt ngang có lật hay không - Cơ chế khoá bên trong, giúp tối đa gắn trong đường hầm và tối thiểu lực siết vòng treo. - Vòng treo có bao bảo vệ gân. - Có vòng chỉ thắt giúp thất chỉ bằng một tay - Sức căng tối đa >1500N, độ di lệch < 2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		Châu Mỹ	Cái	50	
223	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít cố định dây chằng chéo : • Thiết kế chốt: 4 lỗ, Chiều dài chốt: 12mm, chiều rộng chốt 4mm, dây 2mm. • Chỉ kéo và chỉ lật số 5. • Chiều dài vòng treo gân: 10, 15, 20, 25, 30, 35 mm • Chất liệu: Chốt làm bằng titanium, Vòng treo gắn được tạo bởi vật liệu Continuous Polyester đường kính 5mm. Độ di lệch < 1mm. Sức căng tối đa >1300N. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		G7	Cái	50	
224	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít cố định dây chằng : Sử dụng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo khớp gối. Có vít ren ngược phù hợp với gối phải. Đường kính: 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm. Chiều dài: 20, 25, 30, 35 mm. Chất liệu: sinh học tự tiêu 75% poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với 25% Hydroxyapatite (HA). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		G7	Cái	50	
225	280	N07.06.040	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít chỉ khâu sụn chêm: Sử dụng kỹ thuật khâu sụn chêm All -Inside. Thiết kế chốt trượt bung neo chủ động 360° cho phép bung neo tại mọi vị trí tay. Gồm hai neo 5mm chất liệu Peek optima và nút chỉ không tiêu 2- chất liệu UHMW polyethylene. Tích hợp khoá giới hạn độ sâu từ 10-18mm. Mũi kim 17 gauge. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.		Châu Mỹ	Cái	20	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
226	281	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh lườn dùng trong chân thưng - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai căng tay trái, phải, các cỡ: Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. *Bảng nhám dính (Khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.		Việt Nam	Cái	300	
227	281	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh lườn dùng trong chân thưng - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai Desault các cỡ. Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. *Khóa Velcro, thanh nẹp đàn hồi.		Việt Nam	Cái	300	
228	281	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh lườn dùng trong chân thưng - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai xương đòn các số: Vải cotton, mút xốp. - Khóa Velcro.		Việt Nam	Cái	500	
229	281	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh lườn dùng trong chân thưng - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp đùi vải các số (Đai zimmer): Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. . Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.		Việt Nam	Cái	500	
230	281	N07.06.050	Khung, đai, nẹp, thanh lườn dùng trong chân thưng - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Đai cột sống lưng các số: Vật liệu: - Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. - Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.		Việt Nam	Cái	300	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
231	283	N07.06.070	Xi-măng (cement) hóa học (dùng trong tạo hình thân đốt sống, tạo hình vòm sọ, khớp) các loại, các cỡ	Xi măng xương không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44.0g bột có chứa 38.3g Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), 5.3g zirconium dioxide, 0.4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII. Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18.4g Methyl methacrylate, 0.4g N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141) đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu trường. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE, CFS.		G7	Gói	10	
232	283	N07.06.070	Xi-măng (cement) hóa học (dùng trong tạo hình thân đốt sống, tạo hình vòm sọ, khớp) các loại, các cỡ	Xi măng xương có kháng sinh gentamicin (0.28g gentamicin/20g bột). Bột xi măng chất liệu Gentamicin (dưới dạng gentamicin sulphate), Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), zirconium dioxide, benzoyl peroxide và chất tạo màu colorant E141. Dung dịch pha chứa: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chất tạo màu E141. Chứa chất tạo màu chlorophyll (E141). Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE, CFS.		G7	Gói	10	
233	284	N07.06.080	Bộ dây bơm nước, đầu đốt điện, tay dao đốt điện dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Bộ dây bơm nước: - Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp, chất liệu nhựa PVC, không có DEHP - Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp, có 2 đầu nước vào và 1 đầu nước ra được điều chỉnh khóa an toàn. - Để kiểm soát áp xuất, ống đo áp xuất sẽ được kết nối với máy bơm. - Được khử trùng bằng khí VH2O2-Gas - Plasma * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/CFS		G7	Cái	20	
234	290	N08.00.010	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Băng đạn tương thích với tay súng nội soi gấp góc 45° mỗi bên, hai bên 90° liên tục không khác. - Thiết kế 3 chiều cao ghim đóng từ thấp đến cao trong cùng 1 băng đạn theo thứ tự: 1.25mm-1.5mm-1.75mm tương ứng với chiều cao ghim mở 3.0mm-3.5mm-4.0 mm dùng cho mô trung bình đến mô dày. - Dao cắt mới trên mỗi băng đạn - 6 hàng ghim dập bằng titanium - Chiều dài băng đạn 60mm - Tiêu chuẩn ISO, CE và FDA 510K.		Châu Á	Cái	30	
235	290	N08.00.010	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	1. Chất liệu: Ghim bằng titanium. 2. Thông số kỹ thuật: Băng đạn tương thích với tay súng nội soi gấp góc 45° mỗi bên, hai bên 90° liên tục không khác. Chiều cao ghim trước khi đóng 2-2,5-3 mm và sau khi đóng 0,75-1,00-1,25 mm. Chiều dài băng đạn 45 mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên với chiều cao ghim khác nhau trong mỗi băng đạn dùng cho mạch máu, mô mỏng đến mô trung bình. - Dao cắt mới trên mỗi băng đạn - Chiều dài băng đạn 45mm - Tương thích với tay súng cùng hãng sản xuất. 4. Tiêu chuẩn ISO, CE và FDA 510K.		Châu Á	Cái	30	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
236	294	N08.00.050	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Chất liệu nhựa PE, trắng trong suốt nguyên chất, trung tính dẻo có chất chống tĩnh điện, miêng bao được có định bởi 2 vòng kẹp lồng vào nhau có đường kính là 97mm, vòng ngoài có bề dày khoảng 1,5mm, vòng trong khoảng 1,8mm. Vòng ngoài có gờ chặn để giữ vòng trong và kẹp chặt miêng bao. Phần bao ny lon để lườn camera khi tháo tác có bề dày khoảng 0,03mm Kích thước 220cm x 15cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Việt Nam	Cái	2,500	
237	305	N08.00.160	Đầu đo SpO ₂ (sensor) dùng một lần các loại, các cỡ	Đầu đo SpO ₂ tương thích với máy theo dõi bệnh nhân/Hãng SX Nihonkohden/Nhật Bản		G7	Cái	10	
238	306	N08.00.170	Dây dẫn ánh sáng lạnh dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Dây dẫn ánh sáng lạnh sử dụng cho nguồn sáng xenon/phẫu thuật nội soi; tương thích đồng bộ với nguồn sáng xenon X8000/Stryker/USA		G7	Cái	2	
239	308	N08.00.190	Đầu côn các loại, các cỡ	* Đầu col lấy mẫu xét nghiệm (Màu vàng, có khóa). * Chất liệu: Nhựa PP * Kích thước: 0-200ul		Châu Á	Cái	40,000	
240	308	N08.00.190	Đầu côn các loại, các cỡ	* Đầu col lấy mẫu xét nghiệm (Màu vàng, không khóa). * Chất liệu: Nhựa PP * Kích thước: 0-200ul		Châu Á	Cái	40,000	
241	308	N08.00.190	Đầu côn các loại, các cỡ	* Đầu col lấy mẫu xét nghiệm (Màu xanh, có khóa). * Chất liệu: Nhựa PP * Kích thước: 0-1000ul		Châu Á	Cái	25,000	
242	308	N08.00.190	Đầu côn các loại, các cỡ	* Đầu col lấy mẫu xét nghiệm (Màu xanh, không khóa). * Chất liệu: Nhựa PP * Kích thước: 0-1000ul		Châu Á	Cái	25,000	
243	308	N08.00.190	Đầu côn các loại, các cỡ	* Đầu col lấy mẫu xét nghiệm (Màu trắng, có khóa/không khóa). * Chất liệu: Nhựa PP * Kích thước: 0-10ul		Châu Á	Cái	40,000	
244	313	N08.00.240	Đè lưới (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ	Que đè lưới gỗ: Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng, mỗi que được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.		Việt Nam	Que	30,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
245	314	N08.00.250	Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ	Điện cực tim người lớn, trẻ em: Đối tượng sử dụng: Người lớn/trẻ em Keo dạng bột không độc hại Loại gel: Ướt Kích thước: đường kính 50mm Hình dạng: Tròn Loại đầu nối: Snap / Grabber (làm bằng Ag / AgCl) Thời gian kết nối: dưới 24 giờ Chất kết dính mạnh vào da, dễ dàng loại bỏ mà không làm tổn thương da Gel Hydro có độ dẫn điện cao đảm bảo chất lượng tín hiệu tối ưu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Cái	5,000	
246	315	N08.00.260	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ	Clip cầm máu dùng trong nội soi, Dùng đánh dấu, kẹp cầm máu Khả năng đóng - mở clip ≥ 10 lần trước khi đóng clip. Tay gắn được thiết kế công thái học để điều khiển bằng 01 tay tạo điều kiện tái định vị hiệu quả và hiệu quả của clip. Thiết kế lõi đặc biệt, xoay 2 bên 360 độ. Độ mở clip: 12-16mm Góc mở: 135 độ Chiều dài: 2300mm Tương thích kênh dụng cụ ống soi ≥ 2.8 mm. Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 Tiêu chuẩn sử dụng 1 lần		Châu Á	Cái	60	
247	315	N08.00.260	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ	Kẹp sinh thiết dạ dày - đại tràng: Dùng lấy mẫu sinh thiết. Kẹp xoay được 90 độ có thể lấy mẫu sinh thiết lớn. Đầu oval, có 2 lỗ bên. Độ mở ngang 5-5.8mm. Đường kính dụng cụ 1.8-2.4mm, chiều dài 1800-2000-2300mm. Kênh dụng cụ ống soi tối thiểu 2.8mm. Dây không bọc nhựa. Tiêu chuẩn CE, ISO		Châu Á	Cái	100	
248	317	N08.00.310	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Khẩu trang y tế 3 lớp (vải không dệt, tiết trung): Nguyên liệu: mặt ngoài là vải không dệt Olefin hoặc Polypropylen, độ dày của vải: 25gram/m ² , không thấm nước; mặt trong là vải không dệt Olefin hoặc Polypropylen, độ dày của vải: 35gram/m ² , không thấm nước; lớp giữa là vải lọc (Olefin hoặc Polypropylen) hoặc vải SMS, độ dày của vải: 20gram/m ² , không thấm nước; Quy cách: 9,5cm x 17,5cm, 3 lớp, có gọng. Loại: tiết trung (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.		Châu Á	Cái	150,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
249	317	N08.00.310	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	<p>Mask khi dùng người lớn, trẻ em: '- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung.</p> <p>- Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lòng ống có khía chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo bảo khí oxy luôn được tuần hoàn.</p> <p>- Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân.</p> <p>- Dây chun có định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao.</p> <p>- Các cỡ: M, L, XL.</p> <p>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 (TUV)ISO 9001:2015.</p>		Việt Nam	Cái	5,000	
250	317	N08.00.310	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	<p>Mặt nạ thở oxy có túi: Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nếp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$. Các cỡ: S, M, L, XL.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)</p> <p>Dịch lọc máu liên tục: Can 10 lít dd đậm đặc chứa:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calci clorid.2H2O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H2O: 45.75g • Acid acetic băng: 81.00g • Glucose H2O : 494.99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít <p>Tiêu chuẩn chất lượng: EC</p>		Châu Á	Cái	1,500	
251	325	N08.00.410	Dịch lọc máu liên tục các loại	<p>Dịch lọc máu liên tục: Can 10 lít dd đậm đặc chứa:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H2O: 0,5 g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít <p>Tiêu chuẩn chất lượng: EC</p>		Việt Nam	Can	1,200	
252	325	N08.00.410	Dịch lọc máu liên tục các loại	<p>Ông trocar nhựa. Tích hợp khoá ba lớp giảm rò dịch khi thao tác. Thiết kế nhân vào, vận ra giúp bám chắc vào mô và đem lại khả năng điều chỉnh hữu ích. Chất liệu: polycarbonate, Latex-free. Đường kính 4,5, 5,5, 6,5, 7,0, 8,5mm. Chiều dài 45, 55, 72, 90mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA.</p>		Việt Nam	Can	1,000	
253	331	N08.00.470	Troca nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi các loại, các cỡ			G7/Châu Á	Cái	10	
254	Không thuộc TT04.		Nón phẫu thuật	<p>Nón phẫu thuật được làm từ vải không dệt, không thấm, định hình nguyên liệu là Olefin hoặc Polypropylen (hoặc hợp chất tương tự), được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.</p>		Châu Á	Gói/Cái	20,000	
255	Không thuộc TT04.		Khăn phẫu thuật	<p>Khăn phẫu thuật 60cm x 60cm (vải không dệt, có lỗ, tiệt trùng). Nguyên liệu: vải không dệt Olefin hoặc Polypropylene, không thấm nước, độ dày của vải: 40gram/m². Quy cách: 60cm x60cm, có khoét lỗ tròn, đường kính lỗ 100mm; Loại: Tiệt trùng (khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.</p>		Châu Á	Cái	10,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
256	Không thuộc TT04.		Que lấy mẫu	Que lấy mẫu bệnh phẩm: Dùng để lấy mẫu xét nghiệm như: tỉ hầu, hầu họng, sản phụ khoa		Việt Nam	Cái	5,000	
257	Không thuộc TT04.		Dung dịch sát khuẩn	Dung dịch súc miệng chứa Chlorhexidine 0.12%, chai 250ml		Việt Nam	Chai	500	
258	Không thuộc TT04.		Dung dịch bôi trơn	Dung dịch bôi trơn dụng cụ y tế: - Thành phần: Gelling agent < 1%, Glycerin < 10%, Propylene glycol < 10%, Other inert agent and DI water qs. to 100%, PH 6.5-7.5 - Dùng để bôi trơn cho dụng cụ y tế khi đưa vào cơ thể như đưa qua âm đạo, thực quản, tiết niệu... Gel bôi trơn gốc nước, không nhờn, không mùi, không dị ứng, để rửa.. - TCCL: ISO 13485		Châu Á	Gói	2,000	
259	Không thuộc TT04.		Khăn lau sát khuẩn	Khăn lau sát khuẩn trang thiết bị y tế: - Thành phần chính: Phức hợp Quaternary ammonium compound (DUAL QUATS) 0.21% và các thành phần khác. - Thời gian khử khuẩn ≤ 1 phút, sản phẩm có thể làm giảm mức độ nhiễm khuẩn > 5 Log. - Tác dụng: dùng để sát khuẩn bề mặt thiết bị y tế, ngăn lây nhiễm chéo, tính ổn định và không ăn mòn. Hiệu quả diệt khuẩn cao với các loại sau: Vi khuẩn : A.baum (A.baumannii kháng Carbapen-em), P.aeruginosa, MRSA (Vi khuẩn Enterococcus kháng Vancomycin), CRE (Enterobacteriaceae kháng Carbapenem), ESBL (Chúng vi khuẩn sinh men), E.coli, S.enteritidis, P.mirabilis, K.pneumoniae, C.di cile, TB, VRE... Vi rút : HBV, HIV, ... - Kích cỡ: Miếng 17cm x 22cm. Đóng hộp 200 cái/hộp. - Không còn, không mùi, không độc hại, an toàn cho người và môi trường - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485		Châu Á	Hộp	200	
260	Không thuộc TT04.		Ampu giúp thở	Ampu giúp thở người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh. 1-Người lớn (Adult) : dùng cho Người lớn và trẻ em. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. (Thể tích bóng bóp: 1500ml ±200ml, Thể tích túi khí: 2000ml) 2-Size Trẻ em (Child) : Dùng cho Trẻ em và trẻ sơ sinh (Thể tích bóng bóp: 550ml ±200ml, Thể tích túi khí: 1600ml) 3-Size Trẻ sơ sinh: Trẻ sơ sinh và ,mới sinh (Thể tích bóng bóp: 280ml ±100ml, Thể tích túi khí: 1600ml) Được trang bị van giới hạn áp suất để đảm bảo an toàn cho bệnh nhân Kích thước đầu nối 22/15 mm (phù hợp tiêu chuẩn ISO 5356-1) Túi trữ khí làm từ PVC và dùng một lần, không chứa cao su. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Cái	200	
261	Không thuộc TT04.		Băng treo tay	Băng vải để treo tay: Thiết kế phù hợp cho cả tay trái và tay phải. Được làm từ vải thoáng khí, hệ thống khóa nhựa giúp điều chỉnh và tháo lắp dễ dàng.		Việt Nam	Cái	1,000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
262	Không thuộc TT04.		Bao vải huyết áp	Bao vải huyết áp ké (sử dụng thay thế cho bao vải huyết áp ké bóp tay).		Việt Nam	Cái	200	
263	Không thuộc TT04.		Bộ điều hòa kính nguyệt	Bộ điều hòa kính nguyệt. Piston làm từ nhựa ABS màu trắng ngà. Xylanh 60cc làm từ nhựa PP màu trắng trong, tạo ra áp lực 609,6 đến 660,4mm/Hg. Thân khóa được làm từ nhựa HDPE màu trắng đục. Ống hút làm từ nhựa LDPE màu trắng. Chai đựng dầu bôi trơn (2cc dầu parafin y tế) làm từ nhựa PE màu trắng. Tiết trùng bằng khí E.O HSD : 5 năm kể từ ngày sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Bộ	300	
264	Không thuộc TT04.		Gel siêu âm	Gel siêu âm: Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa dầu, không chứa Formaldehyde và nước, không độc hại và không có mùi hôi. PH 6.82. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		Châu Âu	Lít	800	
265	Không thuộc TT04.		Giấy điện tim	Giấy điện tim sử dụng cho máy điện tim 6 kênh: Kích thước 110mm x 140mm x 143sheet. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. (Giấy trắng không sọc). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		Châu Á	Xấp	700	
266	Không thuộc TT04.		Giấy in monitor	Giấy monitor sản khoa (152mm x 90mm x 150sheet), kẻ sọc. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		Châu Á	Xấp	200	
267	Không thuộc TT04.		Ống chống cắn lưỡi	Ống chống cắn lưỡi (Airway các số). Bằng nhựa Polyethylen màu trắng không độc hại và có độ mềm dẻo vừa phải. Chuôi khí cân được thiết kế mã màu riêng biệt, dễ dễ dàng nhận biết và ngăn ngừa không bị cắn đứt. Kênh trung tâm kiểu Guedel .. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Châu Á	Cái	3,000	
268	Không thuộc TT04.		Hộp đựng kim nhựa	Hộp đựng kim nhựa y tế sau khi sử dụng, dung tích 6,8 lít bằng nhựa PE, màu vàng, dài 227, rộng 136, cao 297mm, nắp đỏ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Việt Nam	Cái	200	
269	Không thuộc TT04.		Hộp đựng vật sắc nhọn	Hộp đựng vật sắc, nhọn y tế sau khi sử dụng, dung tích 1, 5 lít: Bằng nhựa PE, màu vàng, dạng hình hộp đáy vuông (dài 99, rộng 99, cao 192mm), nắp đỏ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Việt Nam	Cái	400	
270	Không thuộc TT04.		Giấy y tế	Giấy dùng trong y tế khổ 40cm x 50cm: Được làm từ bông gòn vụn, giấy vụn, không sử dụng hoặc sử dụng vượt quá giới hạn cho phép những hóa chất cấm thuộc danh mục hiện hành của nhà nước. Giấy có bề dày đồng đều, làm thun vừa đủ độ thấm hút nhưng dễ tan trong nước. Bề mặt khăn trắng mịn, mềm mại, dai, không có vết rách, nhẵn thũng, thấm nước, không gây kích ứng, không vẩn cục, không có chấm đen, tạp chất không ảnh hưởng sức khoẻ đến cho người dùng. Mùi đặc trưng, không có mùi.		Việt Nam	Kg	1,500	
271	Không thuộc TT04.		Giấy điện tim	Giấy điện tim sử dụng cho máy điện tim 3 kênh (ECG Roll): Kích thước 80mm x 20m. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		Châu Á	Cuộn	800	
272	Không thuộc TT04.		Giấy in nhiệt	Giấy in nhiệt siêu âm/Type I Standard/SM110S/110mm x 2m. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		Châu Á	Cuộn	120	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
273	Không thuộc TT04.		Quy thử đường huyết	Que thử đường huyết 0.4ul, - Sử dụng enzym GDH-FAD Công nghệ CoreSignal, CoreSense cho kết quả chính xác - Hạn sử dụng sau khi mở nắp bằng hạn sản xuất (24 tháng) - 5 giấy cho kết quả - Lấy mẫu chỉ 0.4ul, có cửa sổ báo máu - Không giới hạn thời gian nạp máu - Không ảnh hưởng bởi nồng độ máu loãng hay đặc - Không bị sai số bởi thức ăn: có chế độ đo trước ăn, sau ăn *Tiêu chuẩn: CE, EN ISO 13485: 2016, CFS/Đức		Châu Á	Que	6,000		
274	Không thuộc TT04.		Lam kính	Lam kính xét nghiệm: Miếng lam được cắt cạnh, mài nhám 1 đầu, độ dày : 1-1.2mm, kích thước : 25.4x76.2mm		Việt Nam	Hộp/72 cái	400		

Tổng cộng: 274 mặt hàng yêu cầu báo giá.

Ngày 04 tháng 04 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Trương Hoàng Việt